



CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

DOCIMEXCO

DONG THAP TRADING CORPORATION

DOCIFOOD
DOCIFISH
DASCO
DOCILAND
TANOCO
DOCITRANS

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MÃ CHỨNG KHOÁN: FDG

2011



MỤC LỤC	
Nội dung	Trang
I. Lịch sử hoạt động.....	4
1. Giới thiệu về công ty	4
2. Lịch sử hình thành.....	5
3. Ngành nghề kinh doanh	7
4. Các sản phẩm của công ty	8
4.1. Mặt hàng gạo (DOCIFOOD).....	8
4.2. Mặt hàng thủy sản (DOCIFISH)	9
4.3. Mặt hàng phân bón, thuốc BVTV (DASCO)	10
5. Quá trình tăng vốn điều lệ	11
6. Định hướng phát triển đến năm 2015.....	11
II. Báo cáo của Hội đồng Quản trị.....	13
1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2010	14
2. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2010	15
3. Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2010	16
4. Mục tiêu thực hiện trong năm 2011 và mục tiêu dài hạn	17
III. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	19
1. Báo cáo tình hình tài chính.....	20
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010.....	21
2.1. Mặt hàng gạo	21
2.2. Mặt hàng thủy sản	22
2.3. Mặt hàng phân bón, thuốc BVTV	23
2.4. Đầu tư, kinh doanh bất động sản	23
3. Hoạt động đầu tư	24
4. Hoạt động tài trợ	25
5. Hoạt động Marketing	26
6. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2011.....	27
7. Biện pháp thực hiện những mục tiêu đã đề ra.....	27
8. Các dự án đầu tư dự kiến	29
IV. Báo cáo của Ban Kiểm soát	31
1. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2010	32
2. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 ...	33
3. Nhận xét – Đánh giá	34
4. Kế hoạch công tác năm 2011 của Ban Kiểm soát	35
V. Báo cáo tài chính (Phụ lục 01)	36
VI. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán (Phụ lục 02)	36
VII. Các công ty liên quan.....	36
VIII. Tổ chức và nhân sự	41
1. Sơ đồ tổ chức	42
2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Điều hành	43
3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm.....	45
4. Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc	45
5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách cho người lao động	45
IX. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và quản trị công ty.....	47
1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	48
2. Các dữ liệu thống kê	50
Phụ lục 01 – Báo cáo tài chính	51
Phụ lục 02 – Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán	62

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Chúng ta vừa trải qua một năm 2010 với hàng loạt những biến động lớn trong nền kinh tế và cùng với đó là những thay đổi trong chính sách vĩ mô.

Trong bối cảnh khó khăn của kinh tế toàn cầu, dù nội lực nền kinh tế còn chưa mạnh, Việt Nam vẫn đạt tốc độ tăng trưởng khả quan 6,78%, cao hơn chỉ tiêu kế hoạch đề ra (6,5%). Tuy nhiên nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức: thiên tai, lũ lụt đã gây thiệt hại rất lớn về người và tài sản; áp lực của nền kinh tế thế giới tác động không nhỏ đến nền kinh tế trong nước; lạm phát năm 2010 lên đến 11,75% cao hơn dự kiến (8,5%).

Trong năm 2010, tỷ giá hối đoái và giá nguyên nhiên vật liệu biến động bất thường đã gây nhiều thách thức trong điều hành và định hướng phát triển của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã tìm ra những giải pháp thích hợp và linh hoạt, sự nỗ lực vượt khó của toàn thể CBCNV và sự ủng hộ của quý cổ đông, Công ty cổ phần Docimexco chúng ta đã đạt được những thành quả đáng ghi nhận.

Sau gần 04 năm cổ phần hóa, Công ty cổ phần Docimexco bước đầu đã khẳng định vị thế và thương hiệu của mình tại thị trường trong và ngoài nước. Riêng năm 2010, Công ty đã nỗ lực thực hiện nhiệm vụ kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2010, doanh thu đạt 1.841 tỷ đồng, hoàn thành 77% so với kế hoạch đề ra và đạt 121% so với 2009, lợi nhuận đạt 77,68 tỷ đồng, hoàn thành 123% so với kế hoạch đề ra và đạt 115% so với năm 2009.

Bước sang năm 2011, Hội đồng quản trị Công ty vẫn xác định chiến lược kinh doanh cốt yếu là củng cố và phát triển năng lực cạnh tranh trong các lĩnh vực như lương thực, thực phẩm, thủy sản, phân bón, phân vi sinh và phát triển khu công nghiệp Sông Hậu ngày càng có chất lượng tốt hơn, tăng tốc phát triển trong những năm tới.

Tôi tin tưởng rằng, với sự phát triển thương hiệu bền vững, uy tín ngày hôm nay và tiếp tục nhờ sự ủng hộ, tin tưởng và hợp tác của Quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác kinh doanh và nỗ lực không ngừng phát triển của Cán bộ công nhân viên, Ban lãnh đạo và Hội đồng Quản trị Công ty trong tương lai, Công ty sẽ phát triển và hoàn thành tốt kế hoạch năm 2011 đề ra.

Thay mặt Công ty Cổ phần Docimexco, tôi xin có lời cảm ơn sâu sắc đến Quý cổ đông, đối tác, cơ quan đoàn thể và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã góp phần giúp Docimexco phát triển bền vững trong những năm qua và phát huy hơn nữa trong các năm tiếp theo.

Tp.Cao Lãnh, ngày 25 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY:

1 Giới thiệu Công ty

Tên gọi doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO**

Tên giao dịch đối ngoại : **DONG THAP TRADING CORPORATION**

Tên viết tắt : **DOCIMEXCO**

Logo :



Địa chỉ công ty : 89 Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại : (84-67) 3852511 Fax: (84-67) 3851250

Website : <http://www.docimexco.com>

Email : docimexco@docimexco.com

Vốn điều lệ : **132.000.000.000** (Một trăm ba mươi hai tỷ) đồng

2 Lịch sử hình thành:



Thành lập

Công ty cổ phần DOCIMEXCO tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Thương nghiệp Xuất nhập khẩu Tổng hợp Đồng Tháp.

Công ty Thương nghiệp Xuất nhập khẩu Tổng hợp Đồng Tháp được thành lập trên cơ sở sáp nhập từ 04 Công ty Nhà nước cũ vào năm 1992.

Cổ phần hóa

Sau khi được Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Tháp phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Nhà nước thành Công ty cổ phần Docimexco theo Quyết định số 04/QĐ-UBND-TL ngày 12/1/2007.

Ngày 29/06/2007, Đại hội đồng cổ đông thành lập của Công ty cổ phần Docimexco được tổ chức và Công ty cổ phần Docimexco chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 07/07/2007 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 06/07/2007, giấy CNĐKKD được thay đổi lần thứ 2 ngày 10/12/2007, thay đổi lần thứ 3 ngày 16/6/2008, thay đổi lần thứ 4 ngày 9/2/2009, thay đổi lần thứ 5 ngày 5/11/2009.

Hơn 3 năm kể từ khi Công ty được chuyển thành công ty cổ phần, Công ty đã có những bước phát triển vượt bậc như cải cách bộ máy quản lý công ty, phát triển sản phẩm mới, đa dạng hóa ngành nghề. Hiện Công ty có 4 chi nhánh và 3 công ty con chuyên kinh doanh các sản phẩm khác nhau.

- Chi nhánh Docifood chuyên kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng gạo;
- Chi nhánh Dociland chuyên xây dựng các công trình dân dụng công nghiệp, kinh doanh bất động sản và quản lý KCN Sông Hậu.
- Chi nhánh Docitrade chuyên kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật.

- Chi nhánh Docifish chuyên kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng cá tra, cá basa. (Sau khi Cty CP Docifish được thành lập, Chi nhánh chỉ tiếp tục tồn tại để xử lý các vấn đề tài chính còn liên quan đến các hoạt động của chi nhánh trước đây)

- Công ty Dịch vụ phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp được Docimexco mua lại 100% vốn điều lệ và chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Dasco .

- Công ty cổ phần nông nghiệp Tam Nông: Docimexco là cổ đông sáng lập nắm giữ 51% vốn Điều lệ.

- Công ty cổ phần Docifish được thành lập trên cơ sở sáp nhập các Công ty TNHH Domyfeed và Công ty TNHH một thành viên Docifarm vào Công ty TNHH Docifish. Vốn điều lệ là 99.228.900.000 đồng, trong đó Docimexco chiếm 73,84%.

Docimexco tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước đã hình thành và phát triển nhiều năm tại tỉnh Đồng Tháp, thuộc vùng trung tâm của đồng bằng sông Cửu Long. Sông Cửu Long là con sông dài thứ 10 trên thế giới, với lưu vực rộng lớn và nguồn nước dồi dào, là nơi tập trung lượng lúa gạo lớn nhất cả nước. Từ khi Việt Nam thực hiện chính sách đổi mới, Docimexco đã phát triển đáng kể và trở thành Công ty hàng đầu trong khu vực về kinh doanh và xuất khẩu gạo. Công ty cổ phần hóa gần 4 năm (tháng 7/2007) nhưng đã có những bước phát triển và mở rộng mạnh mẽ thông qua việc mua lại một số các công ty con.

Sau 20 năm hoạt động, với sự nỗ lực phát triển và nhiều năm kinh nghiệm của ban lãnh đạo, Công ty đã không ngừng phát triển và luôn đạt được những thành tích đáng kể như:

- Từ năm 2002 – 2008, Công ty liên tục được nhận bằng khen và cờ thi đua của Chính phủ và của UBND tỉnh Đồng Tháp;

- Năm 2005 Docimexco đạt các thành tích như đạt cúp vàng thương hiệu Việt, Sao Vàng Đất Việt. Ngoài ra, Công ty còn nhận Chứng nhận ISO 9001:2000, Chứng nhận HACPP, chứng nhận BRC, chứng nhận đạt code EU – chứng nhận này đảm bảo hàng hóa của Docifish được nhập khẩu vào thị trường Châu Âu;

- Công ty được Diễn đàn hợp tác kinh tế đồng bằng Sông Cửu Long An Giang năm 2009 vinh danh Docimexco đã có nhiều đóng góp vào việc phát triển nguồn nhân lực đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ hội nhập;

- Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam bình chọn Docimexco là nhãn hiệu cạnh tranh-nổi tiếng Việt Nam lần thứ IV năm 2009.

- Năm trong Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2009 và 2010 (do VNR bình chọn).



EU CODE DL 329



3 Ngành nghề kinh doanh chính:

- Bách hoá vải sợi, điện máy, xe đạp, xe máy, vật liệu xây dựng, chất đốt, nông sản thực phẩm, lương thực, xuất khẩu lương thực, nông sản, thực phẩm, chế biến đông lạnh được Nhà nước cho phép. Nhập khẩu vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến hàng xuất khẩu và một số hàng tiêu dùng thiết yếu được Nhà nước cho phép. Kinh doanh rượu, bia, nước giải khát. Nhập khẩu hàng nông, lâm, hải sản phục vụ sản xuất chế biến để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Kinh doanh mặt hàng gỗ tròn và gỗ xẻ các loại. Kinh doanh hàng thủy sản. Sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc. Nuôi cá (nước mặn, nước ngọt, nước lợ).

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Khai thác cát, đá, đất. Xây dựng công trình, hạng mục công trình. San lấp mặt bằng. Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng kinh doanh khai thác và quản lý chợ. Mua bán xuất nhập khẩu phân bón các loại. Kinh doanh thuốc thú y; thuốc thú y thủy sản. Bán buôn, bán lẻ thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

- Mua bán, xuất nhập khẩu hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp); sản xuất các sản phẩm từ plastic; in bao bì các loại. Tái chế phế liệu phi kim loại; Mua bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Mua bán phôi thép, phôi sắt; Mua bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy;

4 Các sản phẩm của Công ty

- Các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty hiện nay gồm: gạo thành phẩm như gạo 5% tấm, 10% tấm, 15% tấm, 20% tấm, 25% tấm, 5% 1 past, tấm 1x2, tấm 3x4, cám. Ngoài có các loại gạo thơm như gạo Jasmin, thơm lài, tài nguyên, tấm 1x2 thơm và gạo nếp.



- Cá tra fillet đông lạnh xuất khẩu là mặt hàng chủ lực trong ngành thủy sản của Công ty. Công suất hiện nay của Nhà máy đạt 10.000 tấn/năm. Các loại sản phẩm của Công ty được bán chủ yếu nhất là cá tra trắng, cá tra vàng nhạt, cá tra hồng và cá tra tươi.



- Măng phân bón, thuốc trừ sâu và các loại phân vi sinh ... do Công ty con Dasco quản lý và kinh doanh. Cụ thể các loại sản phẩm như: phân đa lượng NPK, URÊA, Kali, lân, phân hữu cơ sinh học, phân bón lá, phân vi sinh, thuốc trừ sâu, thuốc thú y chăn nuôi.



5 Quá trình tăng vốn điều lệ

Năm phát hành	Các lần tăng vốn	VĐL tăng thêm (Đồng)	Vốn điều lệ lũy kế (đồng)	Hình thức tăng vốn
2007	Vốn điều lệ ban đầu		88.700.000.000	Vốn điều lệ ban đầu
2009	Vốn điều lệ	35.480.000.000	124.180.000.000	Phát hành cổ phần thưởng cho cổ đông hiện hữu
2009	Vốn điều lệ	7.820.000.000	132.000.000.000	Phát hành cổ phần cho cổ đông chiến lược

Nguồn: Docimexco

6 Định hướng phát triển đến năm 2015:



- Phân đầu đưa Docimexco nằm trong Top 10 các nhà xuất khẩu gạo lớn nhất Việt Nam. Có các nhà máy chế biến gạo từ lúa hiện đại nằm trong các vùng nguyên liệu tập trung.
- Phân đầu đưa Công ty cổ phần Docifish nằm trong Top 10 các nhà xuất khẩu thủy sản (Cá tra) lớn nhất Việt Nam.
- Phân đầu đưa Công ty Dasco nằm trong top 5 Cty sản xuất và kinh doanh phân bón vi sinh, hữu cơ vi sinh lớn nhất ở ĐBSCL. Chiếm đến 10% thị phần phân bón dành cho sản xuất lúa ở ĐBSCL. Dasco là trụ cột trong mục tiêu phát triển nông nghiệp

bền vững ở ĐBSCL (Đầu tư – bao tiêu sản phẩm theo tiêu chuẩn Việt GAP, Global GAP, SX sản phẩm nông nghiệp sạch, đưa những ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp,...).

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2010 là năm tình hình kinh tế Việt nam và thế giới có nhiều biến động phức tạp nhưng HĐQT đã có những định hướng và chỉ đạo sâu sát, kịp thời đối với Ban điều hành

Công ty đã thực hiện vượt chỉ tiêu lợi nhuận do ĐHĐCĐ đã thông qua cũng như tạo những tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:



- Lợi nhuận trước thuế năm 2010 đạt 77,68 tỷ đồng vượt chỉ tiêu kế hoạch 23% (kế hoạch lợi nhuận năm 2010 là 63 tỷ).
- Hoàn thành việc sáp nhập 3 đơn vị Docifish – Docifarm – Domyfeed thành Công ty cổ phần Docifish, với vốn Điều lệ 99,23 tỷ đồng, trong đó Docimexco chiếm 73,84% vốn Điều lệ. Đầu tư kho đông lạnh 2.000 tấn tại KCN Sa Đéc, công trình sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng trong tháng 4/2011.
- Hoàn thiện pháp lý về cơ chế quản lý KCN sông Hậu với các cơ quan chức năng của Tỉnh Đồng Tháp.
- Chuẩn bị dự án và giải phóng mặt bằng để chuẩn bị xây dựng 2 nhà máy chế biến gạo từ lúa tại hai Huyện Tân Hồng và Tam Nông.
- Phát triển và mở rộng thị trường dòng sản phẩm phân vi sinh được bà con Nông dân trong và ngoài tỉnh tín nhiệm.
- Thu nhập của người lao động trong công ty từng bước được nâng lên, người lao động an tâm và gắn bó trong công tác.

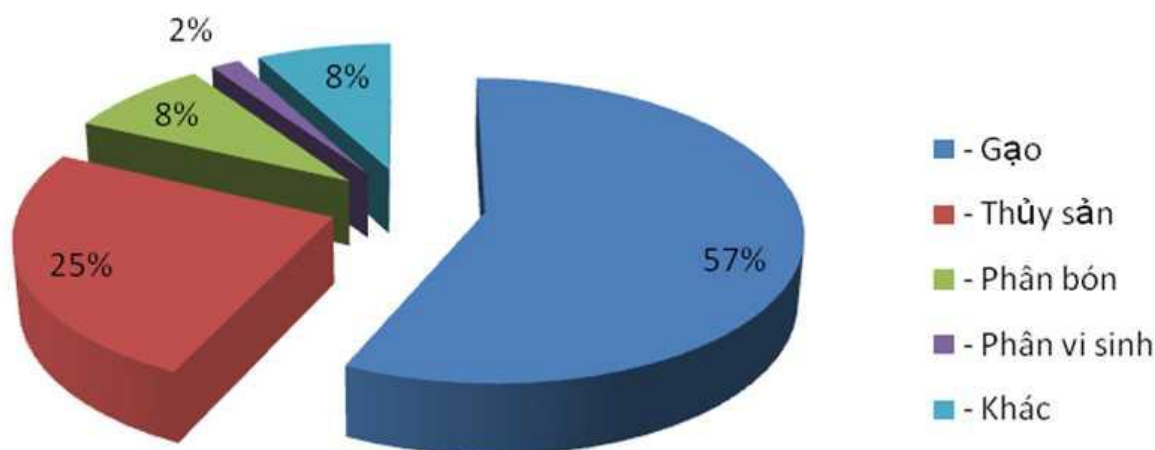
2. Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh trong năm 2010:

Năm 2010 là năm khó khăn đối với nhiều quốc gia trên thế giới. Kinh tế Việt nam cũng chịu nhiều tác động: thị trường xuất khẩu bị thu hẹp do nhu cầu nhập khẩu và khả năng thanh toán tại các thị trường chủ lực đều sụt giảm; Giá hàng hóa giảm trên phạm vi toàn cầu, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản gặp khó khăn. Với Docimexco, Ban lãnh đạo cùng tập thể CBCNV Công ty đã nỗ lực hết mình để mang lại kết quả doanh thu đạt 117% và lợi nhuận trước thuế đạt 115% so với năm 2009.

Kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	% TH 2010/2009	% TH/KH 2010
Doanh thu thuần	1.829.817	1.570.846	1.841.138	117%	77%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	84.639	66.765	74.886	112%	
Lợi nhuận trước thuế	142.859	67.728	77.681	115%	123%
Lợi nhuận sau thuế	125.351	51.739	57.154	111%	

Doanh thu năm 2010 là 1.841 tỷ đồng, đạt 77% so với kế hoạch đề ra, nguyên nhân doanh thu không đạt kế hoạch là do tác động của cơ chế điều hành vĩ mô và ảnh hưởng của khủng hoảng thị trường thế giới, nhất là mặt hàng cá tra, Hội đồng quản trị và ban điều hành đã chủ động cân đối sản lượng bán ra để đảm bảo hiệu quả cao nhất cho Công ty.

Biểu cơ cấu doanh thu

Trong cơ cấu doanh thu, mặt hàng gạo đạt 1.048 tỷ đồng, chiếm 57% tổng doanh thu (1.841 tỷ đồng) với lợi nhuận đạt 67 tỷ đồng, chiếm 86,25% tổng lợi nhuận. Sự tăng trưởng vượt bậc của mặt hàng này so với các mặt hàng khác của Công ty là do sự ổn định về sản lượng thu mua và giá xuất khẩu.

Đối với mặt hàng thủy sản đã đóng góp 25% trong tổng doanh thu, kế tiếp là mặt hàng phân bón chiếm 8%. Ngoài ra, các mặt hàng khác (như phân vi sinh, cá nguyên liệu, chế biến thức ăn thủy sản ...) là những mặt hàng mới thâm nhập thị trường nên việc đóng góp vào cơ cấu doanh thu và lợi nhuận chưa nhiều.

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) trong năm 2010.

Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty cổ phần Docimexco, với vai trò đại diện cho các cổ đông của DOCIMEXCO, đã làm việc nỗ lực, để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao.

Trong năm 2010, HĐQT đã họp 04 phiên chính thức để thảo luận và ra các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Qua các phiên họp HĐQT đã ban hành 04 Nghị quyết, 23 Quyết định, 04 biên bản ghi nhận để thông qua các định hướng, chủ trương điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan. Các phiên họp của HĐQT có sự tham gia đầy đủ của các thành viên HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát.

Trong năm 2010 HĐQT thường xuyên giám sát Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ mục tiêu đề ra và các hoạt động khác của Tổng giám đốc Công ty. Nhìn chung, Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của HĐQT Công ty và thực hiện đúng theo các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

4. Mục tiêu thực hiện trong năm 2011 và mục tiêu dài hạn:

Mục tiêu ngắn hạn

- Đôn đốc giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT về nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2011.

- Đưa kho lạnh vào sử dụng trong tháng 04/2011; tiếp tục triển khai và thực hiện dự án đầu tư 2 băng chuyền IQF và 1 máy đóng gói tự động tại nhà máy CBTS Docifish., mở rộng vùng nuôi cho Công ty Docifish từ 50 ha lên 100ha .

- Triển khai xây dựng nhà máy chế biến gạo Giồng Găng và Tam Nông.

- Giữ và phát triển mối quan hệ khách hàng truyền thống đồng thời tìm kiếm khách hàng mới tại các thị trường cũ và khảo sát, thâm nhập các thị trường mới, đặc biệt là thị trường Mỹ.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác marketing quốc tế nhằm nâng cao vị thế và thương hiệu công ty trên các thị trường chính như Châu Âu và Châu Á. Xây dựng thương hiệu tại các thị trường mới như Châu Mỹ và Châu Phi. Thị trường nội địa tập trung quảng bá và tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm đẩy mạnh sức mua của sản phẩm như gạo chất lượng cao, thủy sản, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.

- Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư và phát triển những lĩnh vực kinh doanh mới như đầu tư BĐS, nhà hàng, khách sạn, tư vấn xây dựng...

- Mức chia cổ tức năm 2011 dự kiến tối thiểu thấp nhất là 20%.

Mục tiêu dài hạn

- Trực tiếp đầu tư phát triển vùng nguyên liệu để đưa vào chế biến tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, ổn định, thỏa mãn nhu cầu cho người tiêu dùng trong và ngoài nước.

- Công ty duy trì và phát triển sản xuất, kinh doanh các mặt hàng chiến lược của mình như: gạo, phân bón, hàng thủy sản đông lạnh xuất khẩu, thức ăn thủy sản, phân vi sinh ...

- Xây dựng hình ảnh thân thiện của Docimexco gắn kết với sự cần cù của nông dân trong sản xuất nông nghiệp (trồng lúa, nuôi cá ...). Xây dựng quan niệm cho khách hàng về sự hợp tác của Docimexco với người nông dân là mối quan hệ mang lại lợi ích lâu dài cho các bên tham gia.

- Ngày càng hoàn thiện và chuyên nghiệp hóa cung cách thương mại và dịch vụ khách hàng nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

- Duy trì áp dụng và điều chỉnh cho phù hợp Hệ thống quản lý chất lượng ISO9001: 2008 cả trong hệ thống sản xuất chế biến và quản trị.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	2009	2010
1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,26	1,14
- Hệ số thanh toán nhanh	0,16	0,29
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,73	0,76
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	3,12	3,61
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho	5,67	6,17
- Vòng quay tổng tài sản	2,10	1,99
- Vòng quay tài sản cố định	10,1	9,96
- Vòng quay các khoản phải thu	8,25	6,33
- Vòng quay các khoản phải trả	2,91	2,51
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	3,3%	3,13%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	26,6%	26,47%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	39,2%	43,78%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản (%)	6,9%	5,57%
EPS (đồng)	5.595	4.478
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (đồng/cp)	14.725	16.535

Những thay đổi về cổ đông vốn góp:

Trong năm 2010, Công ty không có thay đổi về vốn Điều lệ, vốn đầu tư của CSH vẫn giữ ở mức 132 tỷ đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 20,27% và các đối tượng khác nắm giữ 79,73%.

Thông tin về cổ phần và cổ tức của Công ty:

Số cổ phần của Công ty hiện nay là 13.200.000 cổ phiếu, bao gồm toàn bộ là cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi. Trong đó không có cổ phần quỹ, toàn bộ 13.200.000 cổ phần của Công ty đều đang lưu hành trên thị trường.

Sau gần 04 năm hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần, Công ty đã từng bước duy trì mức lợi nhuận cao và mức chi cổ tức cho cổ đông cụ thể như sau: năm 2008 là 25% bằng tiền mặt và chi cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10:4, năm 2009 là 25% và dự kiến năm 2010 là 35%.

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010:

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010		Tỷ lệ	
	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	TH2010/TH2009	TH2010/KH2010
Tổng doanh thu	1.570.846	2.390.405	1.841.138	115%	77%
- Gạo	871.512	1.475.833	1.047.768	120%	71%
- Thủy sản	493.041	594.130	460.984	93%	86%
- Phân bón	190.022	277.960	155.173	82%	56%
- Phân vi sinh	11.393	17.040	31.566	277%	185%

- Khác	4.878	25.076	145.647	2.715%	528%
Tổng lợi nhuận trước thuế	67.728	63.000	77.681	117%	123%
Tổng lợi nhuận sau thuế	51.739		57.154	111%	

Mặt hàng gạo:

- Doanh thu mặt hàng gạo năm 2010 là 1.047,8 tỷ đồng tăng 17% so với năm 2009 và kế hoạch năm 2010 đạt 71%. Sản lượng và giá xuất khẩu mặt hàng gạo trong năm đều thấp so với kế hoạch. Giá gạo thời điểm đầu năm cao, giá giảm vào giữa năm và tăng trở lại vào cuối năm khi nguồn cung nguyên liệu đã cạn kiệt. Tình hình giá cả diễn biến phức tạp và nhiều rủi ro nên Công ty đã kịp thời đề ra mục tiêu đảm bảo hiệu quả kinh doanh, không chạy theo số lượng và doanh thu. Sự chỉ đạo điều hành kịp thời, sáng suốt của Ban điều hành đã giữ vững được thành quả đối với mặt hàng gạo là mặt hàng chủ lực của Công ty.

- Các chỉ tiêu thực hiện năm 2010 và kế hoạch 2011:

Sản lượng gạo	ĐVT	Năm 2010		KH 2011	Tỷ lệ %
		Kế hoạch	Thực hiện		2011/2010
Mua vào	Tấn	221.000	133.422	221.000	165,6%
Bán ra	Tấn	146.150	125.799	182.750	145,3%

Mặt hàng thủy sản

- Sản lượng tiêu thụ mặt hàng thủy sản của Công ty đạt 22.664 tấn, tăng 2,5% so với năm 2009, chiếm 25% tổng doanh thu của Công ty. Đây cũng là nỗ lực trong năm vừa qua, khi tình hình xuất khẩu thủy sản nói chung và ngành công nghiệp cá tra nói riêng phải đối mặt với những khó khăn lớn cả về tài chính, rào cản kỹ thuật của thị trường nhập khẩu.

- Các chỉ tiêu thực hiện năm 2010 và kế hoạch 2011:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2010		KH 2011	Tỷ lệ %
		Kế hoạch	Thực hiện		2011/2010
Mua vào	Tấn	27.905	19.524	36.000	184%
Bán ra	Tấn	28.996	22.664	37.200	164%

- Về nguồn nguyên liệu, Công ty thực hiện gia công nguyên liệu theo phương án nhằm ổn định nguồn cung cấp nguyên liệu trong trường hợp khan hiếm xảy ra. Hiện tại lượng nguyên liệu gia công từ vùng nuôi nội bộ chiếm khoảng 50 – 55% sản lượng chế biến, dự kiến trong năm 2011 tỷ lệ này sẽ tăng lên đạt 70% trên tổng sản lượng chế biến; gia công bên ngoài từ 10 – 20%; còn lại 10 – 20% là lượng nguyên liệu mua bên ngoài.

- Về bán hàng, thị trường: Giữ vững hệ thống khách hàng hiện có và khai thác tối đa nhu cầu mua hàng của các khách hàng này, đồng thời khảo sát nhu cầu thị trường, cập nhật thông tin về dự luật nông nghiệp (Farm Bill) để triển khai quá trình xin xem xét lại thuế

chống bán phá giá vào thị trường Mỹ một cách hiệu quả nhất; Mở rộng xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng như Trung Đông, một số nước Châu Phi như Ai Cập, Nam Phi, các nước Châu Mỹ như Mexico, Canada, Colombia, Braxin,... duy trì và phát triển hệ thống khách hàng ở thị trường lân cận như Trung Quốc, Hồng Kông, Singapore, Malaysia, Úc và New Zealand bằng các chính sách hợp lý theo phân khúc thị trường.

- Về chất lượng hàng hóa: Mặt hàng fillet định hình xác định là mặt hàng chiến lược đi vào phân khúc thị trường cấp cao. Đồng thời, Công ty cũng phân line sản xuất hàng fillet không định hình đi vào thị trường cấp thấp như Ukraine, Ai Cập, Ba Lan khi và một số nước khác nhằm đa dạng hóa sản phẩm và thị trường. Đầu tư máy móc thiết bị đóng gói tự động nhằm đáp ứng nhu cầu hàng đóng gói nhỏ bán lẻ cho hệ thống siêu thị, đây là xu hướng mua hàng phổ biến trong những năm tới.

Mặt hàng phân bón:

- Mặc dù giá cả phân bón trong năm 2010 tương đối ổn định, nhưng thị trường không sôi động do nguồn cung trong nước dồi dào, thị trường xuất khẩu bị chia sẻ do nhiều doanh nghiệp tranh giành khách hàng, thị phần, ảnh hưởng đến kế hoạch sản lượng, doanh thu của Công ty không đạt. Tuy nhiên đối với mặt hàng thuốc BVTV và phân vi sinh Dasvila ngày càng được thị trường trong nước ưa chuộng sử dụng bởi tính hiệu quả cao trong sản xuất nông nghiệp. Sản lượng tiêu thụ Dasvila vượt kế hoạch đem lại lợi nhuận cao trong kinh doanh.

- Công ty đã đề ra các biện pháp để tiêu thụ nhanh hàng tồn kho và mua vào hợp lý khi giá cả thị trường đem lại hiệu quả, trong năm giá cả phân bón biến động không nhiều nhưng lại chứa nhiều rủi ro. Do vậy doanh thu năm 2010 đạt được từ mặt hàng phân bón đạt 188 tỷ đồng, chiếm 9,87% tổng doanh thu của Công ty. Lợi nhuận 15,1 tỷ đồng hoàn thành 100% kế hoạch đề ra.

Đầu tư kinh doanh – Bất động sản (DOCILAND):

- Hiện nay, đang tiếp tục thực hiện thi công xây dựng văn phòng làm việc của Công ty Dasco và của Chi nhánh Docifood; Giám sát thi công kho lạnh 2.000 tấn tại chi nhánh Docifish; Đắp bờ lấp khu đất của Giồng Găng tại Tân Hồng; San lấp mặt bằng tại Nhà máy xay xát chế biến gạo Tam nông, dự kiến các hạng mục này sẽ hoàn thành trong quý I/2011.

- Tiếp tục thực hiện kêu gọi đầu tư để lấp đầy Khu công nghiệp Sông Hậu sớm nhất, nhằm đem lại hiệu quả chung cho Công ty.

3. Hoạt động đầu tư:

Nhằm đáp ứng cho mục tiêu đầu tư để tăng trưởng, nâng cao chất lượng sản phẩm, từng bước tăng dần đầu tư hạ tầng phục vụ cho quy trình sản xuất khép kín; tạo sức cạnh tranh cho đơn vị được thuận lợi hơn. Trong năm 2010 công ty đã tiến hành công tác đầu tư trên các lĩnh vực như sau:

- **Đầu tư vào Công ty liên doanh** là Cty cổ phần Docitrans: Vốn điều lệ 15 tỷ đồng. Công ty đã góp đủ 4 tỷ đồng tương đương 26,67%/Tổng vốn điều lệ.

- Đầu tư vào công ty con:

• Công ty cổ phần Docifish: Vốn điều lệ 99 tỷ đồng. Công ty đã góp đủ 73,3 tỷ đồng tương đương 73,84%/Tổng vốn điều lệ.

• Công ty cổ phần Tam Nông: Vốn điều lệ 50 tỷ đồng. Tỷ lệ vốn góp của Docimexco là 51%. Công ty đã góp 2,04 tỷ đồng tương đương 4,08%/Tổng vốn điều lệ. Số vốn còn phải góp thêm vào các năm sau là 23.46 tỷ đồng

- **Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, trong năm 2010 tổng giá trị nghiệm thu:** 18 tỷ đồng, trong đó Ngân sách tỉnh Đồng Tháp đã giải ngân cho 02 hạng mục trên là: 9,2 tỷ đồng

- **Đầu tư lắp mới hệ thống điện, cải tạo và mua sắm tài sản tại các vùng nuôi:** 1,2 tỷ đồng.

- **Sửa chữa cải tạo kho An Bình phục vụ sản xuất của Cty Dasco:** 482 triệu đồng

- **Đầu tư các dự án Nhà máy chế biến gạo:** ứng tiền bồi hoàn và giải phóng mặt bằng cho Dự án Nhà máy gạo Bắc Sông Xáng với số tiền 2,1 tỷ đồng. Nộp tiền sử dụng đất cho Dự án Giồng Găng số tiền là 4,2 tỷ đồng, chi phí khảo sát địa chất; khảo sát thiết kế san lấp mặt bằng là 156 triệu đồng.

- **Đầu tư xây dựng mới kho lạnh thủy sản 2.000 tấn:** 19,3 tỷ đồng.

- **Đầu tư mua sắm, nâng cấp máy móc thiết bị phục vụ sản xuất KD sản phẩm lúa gạo như:** Máy tách màu, tách thóc, máy nén khí, hệ thống điện, trạm biến áp, xe chở tiền và các máy móc thiết bị khác phục vụ chế biến gạo tổng cộng là 11 tỷ đồng.

4. Hoạt động tài trợ:

- **Vốn huy động từ các ngân hàng:**

Trong năm qua, công ty đảm bảo được nguồn vốn huy động phục vụ cho sản xuất kinh doanh một cách đầy đủ; đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho các hoạt động thu mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Tổng vốn huy động từ các ngân hàng: 1.765,83 tỉ đồng và tổng số tiền thanh toán nợ vay là: 1.676,68 tỉ đồng.

Dư nợ cao nhất: 475,8 tỷ đồng.

Dư nợ thấp nhất: 337,5 tỷ đồng.

Do đặc thù của ngành hàng kinh doanh có mang tính chất thời vụ. Vì thế những tháng có số dư nợ ngân hàng cao thường rơi vào các tháng 4,5,6 và các tháng 8,9,10. Tuy nhiên, công ty vẫn đảm bảo luân chuyển được việc vay và trả nợ ở mức độ phù hợp, không có nợ đọng. Chính vì thế cũng góp phần tạo được lòng tin từ phía các ngân hàng đối với công ty.

- **Chính sách hỗ trợ lãi suất của chính phủ:**

Công ty được hưởng hỗ trợ lãi suất 2% năm theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với hoạt động thu mua và kinh doanh nông, lâm nghiệp và thủy sản. Trong năm 2010, tổng số lãi được hỗ trợ tương đương: 3,1 tỷ đồng.

Thực hiện nghĩa vụ thuế với NSNN: Trong năm 2010, công ty đã thực hiện tốt nghĩa vụ thuế, cụ thể đã nộp 38 tỷ đồng.

- **Hoạt động mua bán ngoại tệ:**

Bằng cách thức vận dụng linh hoạt các biện pháp phòng ngừa rủi ro chênh lệch tỉ giá; với các hợp đồng quyền chọn mua, bán ngoại tệ; hợp đồng kỳ hạn... trong năm 2010 đã thu được khoản lãi chênh lệch tỉ giá mua bán ngoại tệ tương đương 16,7 tỷ đồng.

5. Hoạt động Marketing

- Công tác marketing trong năm 2010 chủ yếu nhằm vào mục tiêu là giữ vững thị trường và khách hàng truyền thống, đồng thời mở rộng thị trường có chọn lọc. Trong năm 2010, Công ty tập trung quảng bá hình ảnh và thương hiệu công ty Docimexco trên các tạp chí thương mại, tập san chuyên ngành. Bên cạnh đã làm tốt công tác marketing thông qua việc kết hợp với các chi nhánh như Docifood, Docifish, Dasco và Dociland nhằm tham gia các chương trình do các đơn vị bên ngoài tổ chức. Bộ phận marketing của từng đơn vị đã tích cực hoạt động có hiệu quả.

- Tham gia các hội chợ về xây dựng và đầu tư, đây là cơ hội để quảng bá và kêu gọi đầu tư vào khu công nghiệp Sông Hậu.

- Tham gia hội chợ triển lãm ngành thủy sản trong và ngoài nước như Vietfish, ESE, Conxemar, Hàn Quốc và Dubai... mở rộng thương hiệu tại các thị trường này và tìm kiếm khách hàng mới tại các thị trường tiềm năng.

- Về thương mại điện tử, đã đăng ký tham gia giao dịch trên website Alibaba để các nhà nhập khẩu tìm kiếm đối tác theo từng chuyên ngành một cách thuận tiện.

- Trong năm 2011, Phòng KHKD&Marketing tiếp tục hoàn thiện và nâng cao công tác marketing đặc biệt là marketing quốc tế nhằm theo dõi sát tình hình diễn biến thị trường các mặt hàng Công ty đang sản xuất kinh doanh. Nâng cao năng lực chuyên viên marketing nhằm nâng cao hiệu quả tham mưu.

6. Chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2011

Chỉ tiêu kế hoạch doanh thu và Lợi nhuận cho năm 2011

STT	Ngành hàng	ĐVT	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	Tỷ lệ % 2011/2010
I	Doanh thu	Tr.đồng	1,841,138	3,633,159	197%
1	Lương thực	"	1,047,768	1,995,620	190%
2	Đầu tư, KD bất động sản, KCN SH	"	3,152	19,896	
3	Chế biến thủy sản, thức ăn thủy sản	"	480,434	1,273,232	265%
4	Phân bón	"	168,222	344,411	205%
5	Mặt hàng khác	"	141,562		
II	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	77,631	75,000	97%

Doanh thu của ngành Đầu tư, KD BĐS, KCN SH thực hiện năm 2010 không đáng kể.

Doanh thu từ mặt hàng khác của năm 2010 chủ yếu là thức ăn thủy sản, trong phần KH năm 2011 đã gộp chung với ngành chế biến thủy sản.

7. Biện pháp thực hiện những mục tiêu đề ra

- **Mặt hàng Gạo:** đối với các hợp đồng đã ký từ năm 2010 (hợp đồng tập trung) được chuyển sang giao hàng trong quý I/2011, đa số là giá thấp nên cân nhắc thu mua khi có thông báo giao hàng để hạn chế thiệt hại vì lãi suất cao.

• Theo dõi diễn biến thị trường để đàm phán, ký kết hợp đồng với hiệu quả tốt nhất và hạn chế thấp nhất rủi ro khi có biến động giá.

- **Thủy sản:** Xác định khách hàng chiến lược, giữ vững hệ thống khách hàng hiện có và khai thác tối đa nhu cầu mua hàng của các khách hàng này. Tích cực tìm kiếm khách hàng mới.

• Tiến hành các thủ tục để được xuất khẩu vào thị trường Mỹ.

• Chính sách giá cả theo sản lượng, theo từng khách hàng, mạnh dạn ký các hợp đồng dài hạn theo nhu cầu; Cố gắng giảm tối thiểu việc bán hàng trả chậm, rút ngắn thời gian thanh toán.

• Kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất để đảm bảo chất lượng sản phẩm

• Tăng cường kiểm tra, quản lý chi phí sản xuất để hạ giá thành sản phẩm.

- **Phân bón – Thuốc BVTV:** Tích cực tìm đối tác có năng lực phù hợp để tiêu thụ những mặt hàng truyền thống của Công ty đang kinh doanh, đẩy mạnh quan hệ với các thị trường nước ngoài để nâng cao giá trị xuất khẩu.

- Lên kế hoạch cân đối nhập khẩu chi tiết các loại phân bón mà Công ty đang giữ thể mạnh ngay từ bây giờ và đa dạng hóa nguồn nhập khẩu để cung cấp cho khu vực và xuất khẩu.

- Phát huy thể mạnh của Công ty về uy tín chất lượng từ sản phẩm phân vi sinh Dasvila và thuốc BVTV, mở rộng thị trường tiêu thụ tại các tỉnh ĐBSCL.

- Nắm vững thông tin thị trường bằng cách theo dõi sát diễn biến thị trường (hàng ngày) thông qua các kênh thông tin chuyên nghiệp hơn. Tham gia các diễn đàn kinh tế, thương mại quốc tế mang tính chất chuyên ngành sẽ mang lợi về mặt thông tin thương mại toàn cầu. Công ty đã và sẽ đăng ký tham gia làm thành viên của các tổ chức như Gafta (Rice Trade), Alibaba (Marketing, and News)... Tuy nhiên Công ty phải nâng cao trình độ và kỹ năng của người lao động để có thể thu thập thông tin và tham gia các hoạt động marketing chuyên nghiệp và hiệu quả hơn.

- Nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh cả sản lượng và chất lượng (quality control): những rủi ro nội bộ như tình trạng thiếu hàng giao khi đơn hàng đến thời hạn, hàng giao không đúng chất lượng, không đúng chủng loại hoặc vi phạm về tiêu chuẩn kỹ thuật ...

- Xây dựng đội ngũ chuyên viên có khả năng đánh giá tình hình thị trường tiền tệ và tài chính nhằm đưa ra dự báo chính xác hơn cung cấp cho công tác quản trị và thương mại quốc tế.

8. Các dự án đầu tư dự kiến

 Công ty dự kiến sẽ đầu tư các máy móc trang thiết bị và mở rộng nhà máy trong năm 2011 cụ thể như sau:

Stt	Tên công trình đầu tư	Thực hiện trong năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Dự kiến tổng mức đầu tư 2011 (ĐVT: 1.000VNĐ)
1	Nhà làm việc Chi nhánh Docifood	Hoàn thành 90%	Hoàn thiện trong Quý 1/2011	2.300.000
2	Nhà máy chế biến gạo Giồng Găng		Giai đoạn 1	70.000.000
3	Xây dựng mới VP làm việc Food 2		Quý 4/2011 sẽ triển khai đầu tư	800.000
4	Cải tạo và xây dựng mới kho tại Food 2		Quý 4/2011 sẽ triển khai đầu tư	2.700.000
5	Các hạng mục tại KCN Sông Hậu (san lấp nền, xây dựng cổng tường rào, nhà điều hành, cống thu gom nước thải, khu xử lý nước thải tập trung, hệ thống điện chiếu sáng,...)	- San lấp nền theo tiến độ thuê đất của nhà đầu tư. - Tường rào hoàn thành cuối năm 2010.	Đầu năm 2011 sẽ tiếp tục đầu tư xây dựng các hạng mục: khu xử lý nước thải, cống thu gom nước thải tập trung và hệ thống điện chiếu sáng nhà điều hành.	21.285.000
6	Nhà làm việc Dasco	Hoàn thành 70%	30% còn lại sẽ hoàn thành cuối Quý 1/2011	2.200.000
7	Kho lạnh, 2 băng chuyền IQF và máy đóng gói tự động		Sẽ hoàn thành cuối tháng 3/2011	25.000.000 và 480.284 USD

 Các dự án diễn hình trong năm 2011 như sau:

▪ **Dự án đầu tư xây dựng kho lạnh:** Hoàn thành và đưa vào sử dụng vào cuối quý 1/2011.

▪ **Đầu tư 2 băng chuyền IQF và máy đóng gói tự động:** Sẽ được tiến hành lắp đặt sau khi đưa vào sử dụng kho lạnh theo kế hoạch.

▪ **Dự án nhà máy chế biến gạo Giồng Găng:** Nhằm đảm bảo vào tháng 10/2011 Công ty có đủ điều kiện để xuất khẩu gạo theo qui định của Chính phủ, hiện nay Công ty đang triển khai để hoàn thành Nhà máy xay xát và chế biến lúa, gạo tại Giồng Găng giai đoạn 1 – Công suất xay xát tối thiểu 10 tấn/h, dự kiến tiến độ hoàn thành giai đoạn 1 khoảng cuối quý 3/2011. Mặt khác sau khi đầu tư dự kiến nâng công suất kho chứa lên được 13.000 tấn.

IV. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2010.

Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2010 được tiến hành một cách chủ động theo qui định của pháp luật và điều lệ của Công ty, cụ thể:

- Trưởng ban đã tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT. Tại các cuộc họp đã tích cực tham gia ý kiến với HĐQT trong các vấn đề: Tổng kết và xác lập kế hoạch, tham gia bàn bạc thực hiện chủ trương mở rộng qui mô hoạt động SXKD.
- Kiểm tra báo cáo tài chính giữa niên độ và cả năm.
- Kiểm tra việc thực hiện quy trình sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- Xem xét tính hợp lý của các qui định và qui trình luân chuyển chứng từ kế toán.
- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo qui định của pháp luật (bao gồm: nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ tài chính khác).
- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư.
- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát được HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.
- Trong năm 2010 Ban kiểm soát đã trực tiếp kiểm tra số liệu và làm việc với Chi nhánh Docifood, chi nhánh Docifish, để xem xét quá trình hoạt động SXKD của đơn vị, đóng góp ý kiến nhằm đưa ra giải pháp tốt nhất trong quá trình sản xuất kinh doanh của các đơn vị.
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính của Công ty đến hết năm 2010, tất cả các hoạt động này đều tuân thủ theo qui định của pháp luật và điều lệ của Công ty Cổ phần DOCIMEXCO, Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2010 được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

2. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2010:

Qua thẩm tra, BKS thống nhất với các số liệu theo báo cáo tài chính năm 2010 đã được **Công ty Tư vấn và kiểm toán CA&A phát hành ngày tháng năm 2011.**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

DVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
1	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	1.570.846	1.841.138
2	Giá vốn hàng bán	1.448.315	1.640.572
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	122.531	200.566
4	Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính	92.373	60.660
5	Chi phí từ hoạt động đầu tư tài chính	36.439	61.698

6	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính	55.934	(1.038)
7	Chi phí bán hàng	63.719	61.547
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	47.981	62.755
9	Doanh thu khác	1.283	7.391
10	Chi phí khác	320	4.761
11	Lợi nhuận khác	963	2.630
12	Lợi nhuận trước thuế	67.728	77.682
13	Thuế thu nhập phải nộp	15.989	20.528
14	Lợi nhuận sau thuế	51.739	57.154
15	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	5.595	4.478
16	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	2.500	3.500

3. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY.

3.1. Đối với HĐQT:

- Các thành viên trong Hội đồng quản trị, đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo đúng qui định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

- Hội đồng Quản trị đã tổ chức họp thường kỳ hàng quý để xây dựng chương trình hoạt động công tác quý, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và kiểm tra việc thực hiện kết quả kinh doanh của Công ty, chỉ đạo kịp thời và theo sát mục tiêu chiến lược mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, Hội đồng quản trị đã thể hiện sự vững vàng trong công tác quản lý doanh nghiệp và đã đạt được kết quả mà nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Trong năm 2010, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào của các thành viên hội đồng quản trị dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty.

- Ban kiểm soát đồng ý với các đánh giá của Hội đồng quản trị tại báo cáo thường niên năm 2010.

3.2. Đối với hoạt động quản lý điều hành của Tổng giám đốc:

- Đã thực hiện theo đúng các qui định hiện hành của Pháp luật nhà nước, điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, các nghị quyết, quyết định của HĐQT công ty và chỉ đạo của chủ tịch HĐQT Công ty.

- Năm 2010, Công ty đã sử dụng hoàn thiện phần mềm kế toán trên máy vi tính, đã cập nhật được các chuẩn mực, chế độ kế toán mới ban hành, thực hiện đúng các qui định của Luật kế toán, việc lập và luân chuyển chứng, sử dụng và bảo quản chứng từ kế toán nhìn chung đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ, việc lập, ghi chép, sử dụng và bảo quản sổ sách kế toán đầy đủ, kịp thời và đúng mẫu biểu qui định của chế độ kế toán hiện hành.

*** Ban kiểm soát Công ty cổ phần DOCIMEXCO có ý kiến như sau:**

1. Đề nghị Công ty Cổ phần Docifish cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án kho lạnh, đầu tư lắp đặt thêm băng chuyền IQF nhằm nâng cao công suất hoạt động, nhiên cứu mở rộng sản xuất thêm mặt hàng giá trị gia tăng, mở rộng thêm vùng nuôi để tiêu thụ thức ăn thủy sản do Công ty sản xuất và đồng thời sẽ chủ động hơn cho nguyên liệu phục vụ sản xuất thủy sản xuất khẩu của Nhà máy Docifish. Đối với hàng thủy sản xuất khẩu cần mở rộng thêm thị trường sang Hoa Kỳ, Trung Đông, Ảrập... đa dạng hoá khách hàng để nhà máy hoạt động hết công suất, đạt hiệu quả cao hơn, đối với các mặt hàng cá vụn, dạt, phụ phẩm nên tìm kiếm thêm nhiều khách hàng để có cạnh tranh về giá nhằm đạt hiệu quả tốt

nhất, cần đưa ra chính sách nợ hợp lý nhằm tránh tình trạng bị khách hàng chiếm dụng vốn, đẩy mạnh công tác quảng bá thương hiệu sản phẩm thức ăn thủy sản.

2. Nghiên cứu quảng bá mạnh hơn nữa thương hiệu phân vi sinh DASVILA của Công ty DASCO, vì hiện tại còn rất nhiều vùng trong dân chưa biết và chưa sử dụng.

3. Đôn đốc việc thực hiện các dự án (mục đích mở rộng sản xuất kinh doanh trong ngành gạo), để xây dựng vùng nguyên liệu gạo tập trung chất lượng ổn định phù hợp với nghị định số 109/2010/NĐ-CP về kinh doanh xuất khẩu gạo, đối với hợp đồng tập trung cần theo dõi bám sát tình hình phân bổ chỉ tiêu của Hiệp hội, chủ động liên hệ với Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam để đưa ra kế hoạch xuất hàng cụ thể nhằm chủ động trong khâu thu mua nguyên liệu, tái chế và xuất hàng đạt hiệu quả tốt hơn.

4. Hiện nay lãi suất ngân hàng luôn biến động, do đó trong khâu thu mua nguyên liệu cần phải tính toán và đưa ra chính sách mua và tạm trữ hợp lý nhằm giảm giá thành, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4/ KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2011 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kế hoạch công tác của Ban kiểm soát năm 2011 có những nội dung như sau:

- Ban Kiểm soát Công ty thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- Trong năm 2011 Ban kiểm soát sẽ tiến hành thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban, thời gian và nội dung cụ thể sẽ được thông báo đến HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và các phòng ban chức năng chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ cho quá trình kiểm soát.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2011 và tình hình thực hiện kế hoạch năm 2011.
- Kiểm tra tình hình trả lương và các chế độ cho người lao động.
- Kiểm tra các công tác khác (nếu có).

V. Báo cáo tài chính

(Đính kèm theo Báo cáo.)

VI. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

(Đính kèm theo Báo cáo.)

VII. Các công ty có liên quan:

1. Danh sách những công ty con của Công ty:

Stt	Tên Công ty	Số CNDKKD	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đồng Tháp (Dasco)	1400294469	10.080.000.000	100%
2	Công ty cổ phần Tam Nông	1401188495	10.000.000.000	51%
3	Công ty cổ phần Docifish	1401300820	99.228.900.000	73,84%

a. Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đồng Tháp (Dasco)

Công ty Dasco tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước với tên là Công ty Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đồng Tháp. Đến cuối tháng 12/2009 được Công ty cổ phần Docimexco mua lại 100% vốn điều lệ và chuyển thành Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ phát triển nông nghiệp Đồng Tháp.

Tên đầy đủ: **Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ phát triển nông nghiệp
Đồng Tháp**
Tên tiếng Anh: Dong Thap Agricultural Service Company Limited
Tên viết tắt: **DASCO**
Nhân sự: 87 người
Trụ sở chính: 252- Đường Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh
Đồng Tháp.
Điện thoại: 067.3877939 /067.3875879
Fax: 067.3873979 /067.3875089
Email: dasco@docimexco.com
Website: http://www.dasco.vn

Hoạt động kinh doanh chính: Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh các loại phân bón, sản xuất phân vi sinh, thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật;

Bảng kết quả kinh doanh năm 2008, 2009 và 2010*Dvt: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Doanh thu thuần	291.484	178.545	168.222
Lợi nhuận trước thuế	1.015	4.114	15.306

*Nguồn: BCTC năm 2008, 2009 và 2010 của Dasco***b. Công ty cổ phần Docifish**

Ngày 27/9/2010 Công ty góp vốn thành lập Công ty TNHH Docifish, chuyên sản xuất chế biến thủy sản, với vốn điều lệ ban đầu là 35 tỷ đồng. Đến ngày 11/11/2010 đã sáp nhập các Công ty TNHH Domyfeed và Công ty TNHH một thành viên Docifarm vào Công ty TNHH Docifish. Đến ngày 31/12/2010 Công ty TNHH Docifish tiến hành cổ phần hóa chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty cổ phần Docifish. Vốn điều lệ là 99.228.900.000 đồng, trong đó Docimexco chiếm 73,84%.

Tên đầy đủ: **Công ty cổ phần Docifish**
Tên tiếng Anh: Docifish Corporation
Nhân sự: 1.250 người
Trụ sở chính: Khu C, Khu công nghiệp SaĐéc, xã Tân Khánh Đông, TX SaĐéc, Đồng Tháp

Hoạt động kinh doanh chính: Chế biến thủy sản, chế biến thức ăn thủy sản và nuôi trồng thủy sản.

Do Công ty cổ phần Docifish mới hoàn thành sáp nhập Docifarm và Domyfeed trong tháng 11/2010 và chuyển thành công ty cổ phần trong tháng 12/2010 nên kết quả kinh doanh sẽ được tính từ 27/9/2010 đến 31/12/2010.

Bảng kết quả kinh doanh năm 2010*Dvt: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2010
Doanh thu thuần	149.614
Lợi nhuận trước thuế	599

Nguồn: BCTC năm 2010 của Docifish

c. Công ty cổ phần Tam Nông:

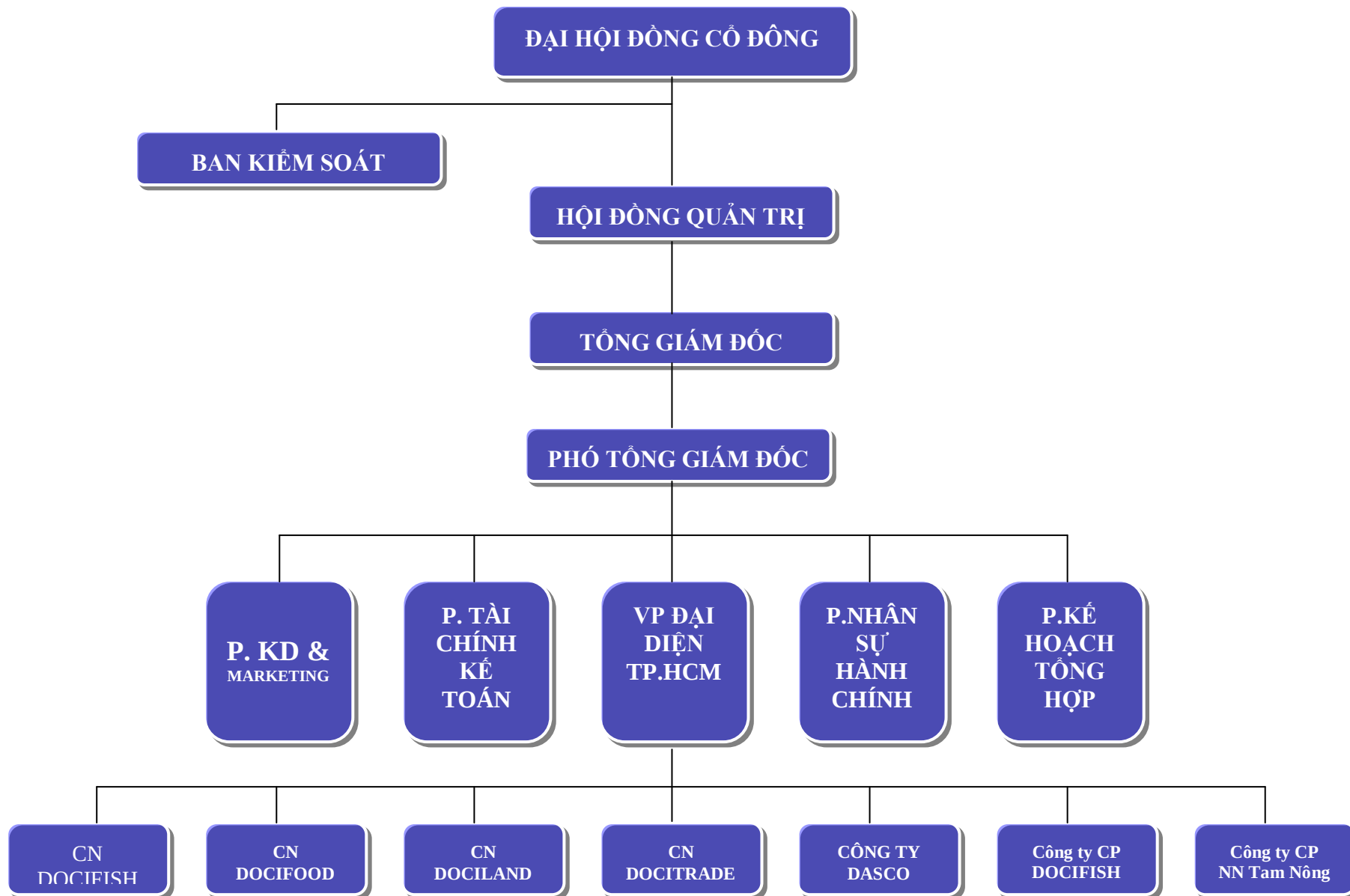
Công ty cổ phần Tam Nông được thành lập tháng 02/2010 trên cơ sở góp vốn của 03 cổ đông sáng lập, trong đó Công ty cổ phần Docimexco góp 51% vốn điều lệ. Cho đến nay, Công ty này vẫn đang thực hiện xây dựng Nhà máy và kho tàng nên chưa thực hiện kinh doanh, trong năm chưa có doanh thu.

2. Danh sách Công ty liên doanh, liên kết:

Không có

VIII. Tổ chức và nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức của công ty:



2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

a. Ông LÊ TRƯỜNG SƠN – Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác từ năm 2001 đến nay:

- 03/2001 – 03/2006 Công ty Thương nghiệp XNK tổng hợp Đồng Tháp – Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- 03/2006 – 7/2007 Công ty thương nghiệp XNK Tổng hợp Đồng Tháp, Phó giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp xuất nhập khẩu thủy sản Sa đéc
- 7/2007 - 2/2008 Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần DOCIMEXCO
- 2/2008 – 02/2009 Tổng giám đốc Công ty cổ phần lương thực – thực phẩm Vĩnh Long
- 02/2009 - đến nay Công tác tại Công ty cổ phần Docimexco – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

b. Ông PHẠM VĂN DŨNG – Phó Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 05/10/1958

Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế

Quá trình công tác từ năm 2001 đến nay:

- 04/2001 – 06/2007 Công ty thương nghiệp XNK Tổng hợp Đồng Tháp – Phó Giám đốc Công ty.
- 07/2007 – đến nay Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Docimexco.

c. Ông HÀ XUÂN LONG - KẾ TOÁN TRƯỞNG:

Sinh năm: 1976

Địa chỉ thường trú: 44/70, Bùi Ngọc Thu, Ấp 6, xã Tương Bình Hiệp, Tx Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Trình độ chuyên môn: thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác từ năm 2001 đến nay:

- 2001-2005 Công tác tại Công ty Bút Bi Thiên Long, chức vụ Kế toán tổng hợp
- 2005-2006 Công tác tại Công ty CP Bảo Hiểm Bưu Điện – CN Bình Dương, chức vụ Kế toán trưởng
- 2006-2007 Công tác tại Công ty TNHH Thương mại Nguyễn Kim, chức vụ Phó ban Kiểm soát nội bộ
- 2007-Nay Công tác tại Công ty CP Docimexco, chức vụ Kế toán Trưởng

3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm: Không có

4. Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Tổng Giám đốc

Stt	Chức danh	Tổng thu nhập năm 2010	Chế độ xe ô tô riêng	Ghi chú
1	Tổng Giám đốc	1.081.434.270 đồng	Có	
2	Phó Tổng Giám đốc	861.062.605 đồng	Có	

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Tổng số lao động toàn Công ty thời điểm đầu năm 2010: 1.347 người
- Thay đổi trong năm do tách ra, bàn giao Chi nhánh Docifish, Công ty Docifarm và các đơn vị khác: 1.156 người; Thu mới: 15 người
- Tổng số lao động có mặt đến 31/12/2010: 191 người
- Giải quyết chấm dứt HĐLĐ: 04 người; hết tuổi lao động: 02 người

Các chính sách đối với người lao động

 Chính sách tuyển dụng, lương thưởng, phúc lợi

- Vào đầu hàng năm, người quản lý Công ty và người lao động được Công ty trang bị quần, áo với mức 1.000.000 đồng/người.
- Đối với người lao động được tuyển dụng trong quý 1 hàng năm thì được trang bị quần, áo với mức 1.000.000 đồng/người.
- Tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty đến các ngày lễ, tết trong năm Tổng giám đốc Công ty xem xét thưởng hoặc tặng quà cụ thể như sau: Ngày lễ 30/4 và 1/5, ngày lễ Quốc khánh 2/9, Tết nguyên đán, Tết dương lịch. Ngày Quốc tế Thiếu nhi, Tết Trung thu: chi một phần quà 100.000 đồng/cháu. Ngày lễ 8/3 tặng quà cho nữ lao động.
- Hàng năm khi hội đủ các yếu tố cần thiết về thời gian, công việc và kinh phí Công ty tổ chức đi tham quan du lịch hoặc chi tham quan du lịch ít nhất 01 lần. Công ty cũng đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của Nhà nước.

Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng: Không có

IX. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát:

+Hội đồng quản trị có 07 thành viên, trong đó có 02 thành viên kiêm nhiệm Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc Công ty.

+Ban kiểm soát có 03 thành viên không tham gia điều hành Công ty.

-Giới thiệu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

- a. Ông **PHẠM VĂN ĐƯỢC** : Chủ tịch Hội đồng quản trị
Năm sinh :1958
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật – Cử nhân Quản trị kinh doanh
- b. Ông **PHẠM VĂN PHÁT** : Thành viên Hội đồng quản trị
Năm sinh : 1963
Trình độ chuyên môn : Trung cấp kinh tế
- c. Ông **LÊ TRƯỜNG SƠN** : Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Năm sinh : 1963
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- d. Ông **PHẠM VĂN DŨNG** : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Năm sinh : 1958
Trình độ chuyên môn : Đại học kinh tế
- e. Ông **LƯU NGUYỄN ANH TUẤN**: Thành viên Hội đồng quản trị
Năm sinh : 1972
Trình độ chuyên môn : Đại học kinh tế
- f. Ông **LÊ NGỌC ĐĂNG** : Thành viên Hội đồng quản trị
Năm sinh : 1972
Trình độ chuyên môn : Đại học kinh tế
- g. Ông **ANTHONY NGUYỄN** : Thành viên Hội đồng quản trị
Năm sinh : 1968
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế, Thạc sĩ hóa công nghệ
- h. Ông **TRANG HỮU NGHĨA**: Trưởng Ban kiểm soát
Năm sinh :1971
Trình độ chuyên môn : Đại học kinh tế
- i. Ông **NGUYỄN THỊ DUNG** : Thành viên Ban kiểm soát
Năm sinh : 1954
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán
- j. Ông **ĐINH THIÊN HIỀN** : Thành viên Ban kiểm soát
Năm sinh : 1969
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán
- k. Ông **HÀ XUÂN LONG** : Kế toán trưởng
Năm sinh : 1976
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế

- Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 26/3/2010 Công ty đã tiến hành chi trả tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2010 là 432.000.000 đồng. Trong đó mức thù lao cụ thể:

Chức danh	Mức thù lao/đồng/tháng
Thành viên HĐQT	4.000.000
Trưởng ban kiểm soát	4.000.000

Thành viên Ban kiểm soát	2.000.000
--------------------------	-----------

Tổng thù lao của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT là: 336.000.000 đồng.

Tổng thù lao của các thành viên Ban kiểm soát (3 thành viên) là: 96.000.000 đồng.

- Thông tin về các giao dịch cổ phần của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát:

Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ	Số lượng cp trước giao dịch	Thực hiện	Ngày công bố	Số lượng cp sau giao dịch
1. Phạm Văn Phát	T.V HĐQT	787.342	-787.342	16/04/2010	-
2. Phạm Văn Đước	Ctịch HĐQT	4.200	-4.200	16/04/2010	-
3. Lưu Nguyễn Anh Tuấn	T.V HĐQT	787.342	-787.342	16/04/2010	-
4. Lê Trường Sơn	TGD	2.660			2.660
5. Phạm Văn Dũng	Phó TGD	4.200			4.200
6. Hà Xuân Long	Kế toán trưởng	4.480	12.000	27/01/2010	16.480
			-10.000	25/03/2010	6.480
			700	28/07/2010	7.180
7. Nguyễn Thị Dung	T.V BKS	6.580			
			2.500	27/01/2010	9.080
8. Đinh Thiện Hiền	T.V BKS	3.080	2.500	27/01/2010	5.580
			-1.400	14/04/2010	4.180

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:**- Cơ cấu cổ đông:**

	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần (cp)	Tỷ lệ (%)
Vốn Nhà nước	01	2.675.960	20,27%
Cổ đông ngoài công ty	153	9.818.997	74,39%
Cổ đông nội bộ	238	705.043	5,34%
Tổng cộng	392	13.200.000	100%

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn theo nội dung:

STT	Họ và tên:	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu %
1	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước		2.675.960	20,27%
2	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nguyễn Kim	Số 01-05 Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Thái Bình, Q1, TP HCM	6.381.387	48,34%

-Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông sáng lập: 02 cổ đông sáng lập là ông Phạm Văn Phát và ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của mình. Hiện nay chỉ còn 01 cổ đông sáng lập là UBND tỉnh Đồng Tháp (Nay đã chuyển cho Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước)

- Cổ đông nước ngoài: Không có

PHỤ LỤC

01

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31/12/2010	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 28



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Docimexco (“Công ty”) trình bày báo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Nhóm Công ty”) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Văn Được	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phạm Văn Phát	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên HĐQT
Ông AnThony Nguyễn	Thành viên HĐQT
Ông Lê Ngọc Đăng	Thành viên HĐQT
Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Trang Hữu Nghĩa	Trưởng ban kiểm soát
Ông Đinh Thiện Hiền	Thành viên ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên ban kiểm soát

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc

3. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính Công ty đặt tại số 89 Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Các hoạt động chính

Bách hoá vải sợi, điện máy, xe đạp, xe máy, vật liệu xây dựng, chất đốt, nông sản thực phẩm, lương thực, xuất khẩu lương thực, nông sản, thực phẩm, chế biến đông lạnh được nhà nước cho phép. Nhập khẩu vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến hàng xuất khẩu và một số hàng tiêu dùng thiết yếu được Nhà nước cho phép. Kinh doanh rượu, bia, nước giải khát. Nhập khẩu hàng nông, lâm hải sản phục vụ sản xuất chế biến để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Kinh doanh mặt hàng gỗ tròn và gỗ xẻ các loại. Kinh doanh hàng thủy sản. Sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc. Nuôi cá (nước mặn, nước ngọt, nước lợ).

Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Khai thác cát, đá, đất. Xây dựng công trình, hạng mục công trình. San lấp mặt bằng. Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc di thuê. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu Công nghiệp. Đầu tư xây dựng kinh doanh khai thác và quản lý chợ. Mua bán, nhập khẩu phân bón các loại. Kinh doanh thuốc thú y; thuốc thú y thủy sản. Bán buôn, bán lẻ thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Trang 1/28

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mua bán, xuất nhập khẩu hoá chất (trừ hoá chất sử dụng trong nông nghiệp); sản xuất các sản phẩm từ plastic; in bao bì các loại. Tái chế phế liệu phi kim loại, mua bán, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. Mua bán phôi thép, phôi sắt. Mua bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy.

5. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh

Tình hình tài chính của Nhóm Công ty vào ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động của năm tài chính 2010 cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ kết thúc vào cùng ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 28.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Nhóm Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A) được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Nhóm Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Trang 2/28



CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

11. Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo hợp nhất. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



PHẠM VĂN ĐƯỢC

Ngày 22 tháng 02 năm 2011





CÔNG TY KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM
DFK VIETNAM AUDITING COMPANY

Office in Ho Chi Minh City
No. 38/8 Lam Son, Tan Binh District T. 848 6296 8684
No. 426 Cao Thang, District 10 T. 848 3868 3306
Office in Hanoi Level 25, M3M4 Building, 91 Nguyen Chi
Thanh, Dong Da T. 844 6266 3006 www.dfk.com.vn

Số: 086a/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Docimexco

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Docimexco ("Công ty") và các Công ty con ("nhóm Công ty") bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, được lập ngày 22 tháng 02 năm 2011, từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Docimexco và các Công ty con tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Trang 4/28

An independent member firm of **DFK International**

0909062
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
DFK
VIỆT NAM
TP. HCM

hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 và được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



NGUYỄN VĂN TUYÊN

Chứng chỉ KTV số: Đ.0111/KTV

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2011

KIỂM TOÁN VIÊN

HỒ ĐẮC HIẾU

Chứng chỉ KTV số: 0458/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		808.687.479.115	646.963.104.910
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	208.569.869.239	82.473.629.867
1. Tiền	111		89.019.869.239	82.473.629.867
2. Các khoản tương đương tiền	112		119.550.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		259.886.333	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		259.886.333	-
III. Các khoản phải thu	130	V.02	331.156.897.020	250.457.954.070
1. Phải thu khách hàng	131		139.962.435.187	109.876.016.306
2. Trả trước cho người bán	132		98.101.439.104	39.049.780.784
3. Các khoản phải thu khác	135		96.365.232.599	103.489.396.582
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.272.209.870)	(1.957.239.602)
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	239.179.216.096	292.853.482.336
1. Hàng tồn kho	141		239.401.864.325	294.277.154.036
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(222.648.229)	(1.423.671.700)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.04	29.521.610.427	21.178.038.637
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		898.289.362	580.434.783
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.185.670.161	9.406.886.698
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		5.055.912.458	172.335.817
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.381.738.446	11.018.381.339
B. Tài sản dài hạn	200		228.261.949.994	166.319.790.332
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		214.118.198.565	155.708.326.216
1. TSCĐ hữu hình	221	V.05	151.165.531.764	109.747.332.245
- Nguyên giá	222		255.968.784.668	201.212.127.008
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(104.803.252.904)	(91.464.794.763)
2. TSCĐ vô hình	227	V.06	17.172.637.978	12.810.021.097
- Nguyên giá	228		17.391.419.297	12.908.282.144
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(218.781.319)	(98.261.047)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	45.780.028.823	33.150.972.874
III. Bất động sản đầu tư	240	V.08	122.123.121	438.206.112
1. Nguyên giá	241		1.408.131.849	1.408.131.849
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.286.008.728)	(969.925.737)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.047.231.521	3.414.849.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.09	3.826.297.521	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	4.220.934.000	3.414.849.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.353.049.752	3.762.583.821
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	3.052.741.019	3.486.846.919
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	300.308.733	275.736.902
VI. Lợi thế thương mại	269		2.621.347.035	2.995.825.183
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.036.949.429.109	813.282.895.242

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		788.958.310.105	596.004.017.865
I. Nợ ngắn hạn	310		708.301.404.452	514.967.681.713
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	551.441.759.101	418.361.137.290
2. Phải trả người bán	312	V.14	104.859.034.307	46.569.368.292
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	19.171.815.485	9.825.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.15	5.808.402.093	19.225.054.542
5. Phải trả người lao động	315	V.16	3.257.370.540	6.063.930.997
6. Chi phí phải trả	316	V.17	2.082.932.614	360.186.079
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	22.915.452.104	13.732.175.405
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(1.235.361.792)	830.829.108
II. Nợ dài hạn	330		80.656.905.653	81.036.336.152
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.18	30.728.300.391	20.994.247.391
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	28.028.350.478	37.791.431.508
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		349.995.090	199.228.728
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.20	21.550.259.694	22.051.428.525
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.21	218.266.535.409	190.758.090.472
I. Vốn chủ sở hữu	410		218.266.535.409	190.758.090.472
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		132.000.000.000	132.000.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		-	(3.910.030.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(3.178.957.299)	(2.838.225.664)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.114.437.700	5.745.000.000
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.321.898.500	3.591.000.000
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		73.009.156.508	56.170.346.136
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		29.724.583.595	26.520.786.905
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.036.949.429.109	813.282.895.242

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng		
- USD	4,162,207.87	4,326,084.74
- EUR	2,074.87	1,052.50
6. Dự toán chi hoạt động	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu
Ngày 22 tháng 02 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất

Hà Xuân Long
Kế toán trưởng



Lê Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Trang 7/28

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.844.878.128.450	1.573.908.963.255
2. Các khoản giảm trừ	02		3.739.904.955	3.062.985.146
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.22	1.841.138.223.495	1.570.845.978.109
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.23	1.640.572.105.922	1.448.315.211.424
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		200.566.117.573	122.530.766.685
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.24	60.660.094.554	92.372.870.481
7. Chi phí tài chính	22	VI.25	61.698.618.114	36.438.814.417
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		55.775.703.523	29.193.604.885
8. Chi phí bán hàng	24	VI.26	61.547.039.625	63.719.037.299
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.27	62.755.293.914	47.980.997.143
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		75.225.260.474	66.764.788.307
11. Thu nhập khác	31	VI.28	7.391.079.976	1.282.620.222
12. Chi phí khác	32	VI.29	4.760.975.282	319.749.808
13. Lợi nhuận khác	40		2.630.104.694	962.870.414
14. Lợi nhuận (lỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	45		(173.702.479)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		77.681.662.689	67.727.658.721
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	20.551.835.895	16.264.638.008
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30	(24.571.831)	(275.736.902)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		57.154.398.625	51.738.757.615
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho:				
19. Cổ đông thiểu số	61		(645.779.547)	(2.879.213.095)
20. Cổ đông Công ty mẹ	62		57.800.178.172	54.617.970.710
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.32	4.478	5.595

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu
Ngày 22 tháng 02 năm 2011

Hà Xuân Long
Kế toán trưởng

Lê Trường Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

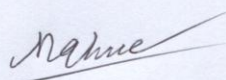
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	77.681.662.689	67.727.658.721
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	20.962.098.433	15.698.823.723
Các khoản dự phòng	03	113.946.797	(73.352.038.785)
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	77.234.596
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(16.213.656.788)	(25.378.835.210)
Chi phí lãi vay	06	55.775.703.523	29.193.604.885
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	138.319.754.654	13.966.447.930
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(89.995.679.257)	(31.508.910.013)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	54.875.289.711	41.663.338.671
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	92.306.991.858	(1.309.591.672)
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	116.251.321	1.252.127.314
Tiền lãi vay đã trả	13	(54.199.140.909)	(28.833.418.806)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(38.858.299.940)	(10.699.515.949)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.806.633.229	(1.168.453.524)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.904.730.000)	(3.812.880.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	100.467.070.667	(20.450.856.549)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(79.438.980.888)	(68.255.994.858)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	687.524.676	7.777.773
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.075.593.854)	(2.045.700.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	489.280.145	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.909.225.209	8.131.150.554
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(67.428.544.712)	(62.162.766.531)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	3.910.030.000	7.820.000.000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	(3.910.030.000)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	1.776.017.067.560	1.512.917.605.571
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.652.699.526.779)	(1.377.508.674.626)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(32.022.492.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	95.205.078.281	139.318.900.945
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	128.243.604.236	56.705.277.865
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	82.473.629.867	27.546.451.117
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	(2.147.364.864)	(1.778.099.115)
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	208.569.869.239	82.473.629.867

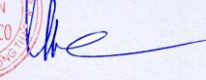
Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Người lập biểu
Ngày 22 tháng 02 năm 2011



Hà Xuân Long
Kế toán trưởng

Lê Trường Sơn
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC

02

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp**1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Docimexco trước đây là Công ty Thương nghiệp Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Đồng Tháp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó Công ty được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 04/QĐ-UBND-TL ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Thời điểm bàn giao sang Công ty Cổ phần là ngày 06/7/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000075 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 05/11/2009.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 132 tỷ đồng, được chia thành 13.200.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông. Các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của Công ty đến ngày lập báo cáo là:

Danh sách cổ đông:	% cổ phần sở hữu	Số lượng cổ phần
+ Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	20,27%	2.675.960
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	48,34%	6.381.387
+ Các cổ đông còn lại	31,38%	4.142.653
Cộng	100,00%	13.200.000

2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: DONG THAP TRADING CORPORATION.

Trụ sở chính đặt tại: 89 Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh, chi nhánh Docifish, chi nhánh Docifood, chi nhánh Docitrade và chi nhánh Dociland.

Các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có con dấu riêng; có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và hạch toán phụ thuộc Công ty.

3 Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

4 Ngành nghề kinh doanh

Bách hoá vải sợi, điện máy, xe đạp, xe máy, vật liệu xây dựng, chất đốt, nông sản thực phẩm, lương thực, xuất khẩu lương thực, nông sản, thực phẩm, chế biến đông lạnh được Nhà nước cho phép. Nhập khẩu vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến hàng xuất khẩu và một số hàng tiêu dùng thiết yếu được Nhà nước cho phép. Kinh doanh rượu, bia, nước giải khát. Nhập khẩu hàng nông, lâm hải sản phục vụ sản xuất chế biến để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Kinh doanh mặt hàng gỗ tròn và gỗ xẻ các loại. Kinh doanh hàng thủy sản. Sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc. Nuôi cá (nước mặn, nước ngọt, nước lợ). Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Khai thác cát, đá, đất. Xây dựng công trình, hạng mục công trình. San lấp mặt bằng. Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng kinh doanh khai thác và quản lý chợ. Mua bán, nhập khẩu phân bón các loại. Kinh doanh thuốc thú y; thuốc thú y thủy sản. Bán buôn, bán lẻ thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Mua bán, xuất nhập khẩu hoá chất (trừ hoá chất sử dụng trong nông nghiệp); sản xuất các sản phẩm từ plastic; in bao bì các loại. Tái chế phế liệu phi kim loại, mua bán, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. Mua bán phối thép, phối sắt. Mua bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5 Danh sách Công ty con và Công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
(*) Công ty TNHH MTV Docifarm	Số A4 - TTTM Sa Đéc, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Nuôi trồng thủy sản, thương mại	100%	100%
(*) Công ty TNHH Domyfeed	Khu C, KCN Sa Đéc, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, thương mại	51%	51%
(*) Công ty Cổ phần Docifish	Khu C, KCN Sa Đéc, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, thương mại	73,84%	73,84%
Công ty TNHH MTV DV PT NoN Đồng Tháp	252 Nguyễn Huệ, Tp Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, thương mại	100%	100%
Công ty Cổ phần Tam Nông	Đường ĐT 844, ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, thương mại	51%	51%

(*) Công ty TNHH Docifish được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401300820 ngày 27/9/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, theo đó, tổng vốn điều lệ của Công ty là 35 tỷ đồng. Vào ngày 11/11/2010, Công ty TNHH Docifish đã chính thức nhận sáp nhập từ Công ty TNHH MTV Docifarm và Công ty TNHH Domyfeed theo hợp đồng sáp nhập giữa 3 bên ngày 08/11/2010. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty TNHH Docifish tăng từ 35 tỷ đồng lên 99.228.901.502 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401300820 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11/11/2010, và chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Docifish theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401300820 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2010.

(**) Công ty Cổ phần Tam Nông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 1401188495 ngày 25/02/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không chủ định trình bày nhằm cung cấp các thông tin tài chính theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài Việt Nam.

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Docimexco và các Công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Nhóm Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn sở hữu tương ứng của Nhóm Công ty. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

3. Đầu tư vào Công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng là Đồng Việt Nam ("VND") được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính như sau:

- Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận như sau:

+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản nợ dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

7. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

8. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

9. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần không quá 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

Chi phí dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn;

Lợi thế thương mại theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***10. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
Hệ thống mạng máy tính	05 năm
Phần mềm kế toán	03 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	05 - 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 10 năm
Tài sản cố định khác	05 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	49 - 50 năm

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản.

Khi bất động sản đầu tư được bán, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn

13. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 22%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 20% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 8,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

15. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm y tế và xã hội.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào khối lượng dịch vụ cung cấp và người mua chấp nhận thanh toán.

18. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

19. Thuế

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

- Hiện tại, số thuế phải nộp do Nhóm Công ty tự xác định và sẽ được điều chỉnh lại khi có biên bản kiểm tra quyết toán thuế từ cơ quan Thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Đối với các khoản lỗ phát sinh tại các Công ty con, do chưa có những chứng cứ thích hợp và đầy đủ về việc chắc chắn sẽ có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập

20. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ. Riêng khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu khi chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần được Công ty chuyển về cho Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

21. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2010	01/01/2010
Tiền mặt (VND)	933.486.900	2.086.478.101
Tiền mặt (USD & EUR)	161.690.887	138.815.748
Tiền gửi ngân hàng (VND)	9.231.600.205	2.744.963.347
Tiền gửi ngân hàng (USD & EUR)	78.693.091.247	77.503.372.671
Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng	119.550.000.000	-
Cộng	208.569.869.239	82.473.629.867

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2010	01/01/2010
Phải thu khách hàng (2.1)	139.962.435.187	109.876.016.306
Trả trước cho người bán (2.2)	98.101.439.104	39.049.780.784
Phải thu khác (2.3)	96.365.232.599	103.489.396.582
Cộng	334.429.106.890	252.415.193.672
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.272.209.870)	(1.957.239.602)
Cộng	331.156.897.020	250.457.954.070

(2.1) Trong đó, bao gồm các khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 4,826,160.28 USD tương đương 91.368.866.421 đồng.

(2.2) Trong đó, bao gồm các khoản trả trước người bán có gốc ngoại tệ là 587,279.00 USD tương đương 11.118.366.028 VND, khoản trả trước cho người bán liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 3.000.000.000 đồng và khoản trả trước đến công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim để mua nguyên liệu là 30.372.000.000 đồng.

(2.3) Bao gồm:	31/12/2010	01/01/2010
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	-	81.622.538.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
Khoản ứng vốn đến Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim, lãi suất 1,33%/tháng	71.236.900.000	-
Thuế nhập khẩu tạm nộp	1.956.269.503	-
Phải thu tiền bảo hiểm do mất hàng	561.342.000	-
Phải thu nhân viên (thuế TNCN)	198.847.024	-
Lãi tiền gửi tiết kiệm phải thu	494.090.278	-
Các khoản phải thu khác	1.917.783.794	1.866.858.582
Cộng	96.365.232.599	103.489.396.582

(*) Là khoản phải thu ứng trước tiền đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim (sau đây gọi tắt là "Nguyễn Kim"). Công ty Cổ phần Docimexco ứng trước cho Nguyễn Kim 20.000.000.000 đồng. Số tiền này sẽ được giải ngân để đầu tư cổ phiếu bất động sản do hai bên thỏa thuận.

3. Hàng tồn kho	31/12/2010	01/01/2010
Nguyên vật liệu	39.933.387.434	20.076.121.563
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.876.983.839	993.597.243
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (3.1)	69.244.423.786	61.106.915.209
Thành phẩm tồn kho	61.569.007.306	154.796.116.734
Hàng hoá (3.2)	66.778.061.960	57.304.403.287
Cộng	239.401.864.325	294.277.154.036
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(222.648.229)	(1.423.671.700)
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	239.179.216.096	292.853.482.336

(3.1) Chủ yếu là chi phí đưa đi gia công nuôi cá nguyên liệu chưa thu hoạch là 18.434.438.149 đồng và chi phí đầu tư nuôi cá là 46.579.439.377 đồng.

(3.2) Trong đó, có giá trị hàng hoá bất động sản là 3.870.452.192 đồng bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và 02 lô đất tại thành phố Hồ Chí Minh. Tính đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa đạt được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 lô đất tại thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2010	01/01/2010
Chi phí trả trước ngắn hạn	898.289.362	580.434.783
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	16.185.670.161	9.406.886.698
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	5.055.912.458	172.335.817
Tài sản ngắn hạn khác (*)	7.381.738.446	11.018.381.339
Cộng	29.521.610.427	21.178.038.637

(*) Bao gồm:	31/12/2010	01/01/2010
- Tài sản thiếu chờ xử lý	1.898.205.457	2.775.894.236
- Tạm ứng	1.540.490.648	4.550.209.174
- Ký quỹ mở L/C	3.744.243.124	3.498.495.000
- Ký quỹ NH ACB	134.551.913	119.535.625
- Ký quỹ NH Eximbank	59.447.304	59.447.304
- Ký quỹ thuê kho	4.800.000	14.800.000
Cộng	7.381.738.446	11.018.381.339

5. Tài sản cố định hữu hình Đơn vị tính: nghìn đồng

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	98.184.416	83.465.529	14.634.620	4.222.710	704.852	201.212.127
Tăng	45.715.296	11.582.746	4.161.303	786.690	80.754	62.326.788
Giảm	5.526.905	1.010.159	783.764	209.601	39.701	7.570.130
Số dư cuối năm	138.372.807	94.038.116	18.012.159	4.799.798	745.905	255.968.785
Hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	56.448.228	26.935.817	4.924.931	2.855.649	300.169	91.464.795
Tăng	7.588.403	10.050.273	1.960.886	808.164	117.769	20.525.495
Giảm	5.526.905	632.901	823.464	203.766		7.187.037
Số dư cuối năm	58.509.726	36.353.189	6.062.353	3.460.047	417.939	104.803.253
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	41.736.189	56.529.712	9.709.689	1.367.061	404.682	109.747.332
Số dư cuối năm	79.863.082	57.684.927	11.949.807	1.339.751	327.966	151.165.532

Tài sản cố định tăng trong năm do mua sắm mới và xây dựng cơ bản hoàn thành.

Tài sản cố định giảm trong năm do thanh lý và nhượng bán.

Nguyên giá tài sản cố định đã thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp là 9.035.936.409 đồng (giá trị còn lại tại ngày 31/12/2010 là 6.150.671.150 đồng)

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 4.742.404.735 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	12.541.341.144	366.941.000	12.908.282.144
Mua mới	4.483.137.153	-	4.483.137.153
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	(*) 17.024.478.297	366.941.000	17.391.419.297
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu năm	25.208.937	73.052.110	98.261.047
Tăng	13.853.604	106.666.668	120.520.272
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	39.062.541	179.718.778	218.781.319
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	12.516.132.207	293.888.890	12.810.021.097
Số dư cuối năm	16.985.415.756	187.222.222	17.172.637.978

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn tại chi nhánh Docifood 450.697.460 đồng; quyền sử dụng đất tại kho chi nhánh Docitrade 473.600.000 đồng; quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Dociland 535.040.000 đồng; quyền sử dụng đất tại Chi nhánh TP.HCM 2.592.000.000 đồng; quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 12/01/2060 tại ấp Rọc Muống, xã Tân Công Chí, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp 4.483.137.153 đồng; 12 quyền sử dụng đất và 02 thửa đất số 246, 247 tại thị xã Sa Đéc - tỉnh Đồng Tháp là 7.797.323.684 đồng; và quyền sử dụng đất tại thành phố Cao Lãnh - tỉnh Đồng Tháp có thời hạn 50 năm (đến ngày 21/3/2058) là 635.880.000 đồng; và quyền sử dụng đất tại huyện Cao Lãnh - tỉnh Đồng Tháp (đến ngày 08/5/2058) là 56.800.000 đồng. Công ty đang thực hiện các thủ tục chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 thửa đất tại thị xã Sa Đéc - tỉnh Đồng Tháp.

Tài sản cố định khác bao gồm hệ thống mạng máy tính và phần mềm kế toán.

7. Xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2010	01/01/2010
Mua sắm tài sản cố định	-	362.033.000
Công trình KCN Sông Hậu - Ngân sách cấp	(7.1) 28.482.927.456	8.029.537.897
Công trình KCN Sông Hậu khác	(7.2) 1.669.762.207	1.269.449.091
Công trình đầu tư XD nhà máy chế biến gạo	(7.3) 1.641.532.766	1.627.589.298
Công trình nhà máy chế biến thức ăn thủy sản	-	20.728.395.660
Công trình đầu tư XD kho lạnh	(7.4) 6.207.909.489	-
Chi phí đào ao nuôi cá	3.116.917.782	907.769.090
Công trình xây dựng tại Công ty Cổ phần Tam Nông	4.053.623.563	-
Các công trình khác	607.355.560	226.198.838
Cộng	45.780.028.823	33.150.972.874

(7.1) Đây là khoản chi liên quan đến việc đầu tư vào công trình khu công nghiệp Sông Hậu do Công ty làm chủ đầu tư theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Sông Hậu, tỉnh Đồng Tháp, hạng mục công trình đền bù và đường giao thông, thoát nước. Tổng mức vốn đầu tư là 83,3 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Nguồn vốn ngân sách Nhà nước đã chuyển đến Công ty đến ngày 31/12/2010 là 76.885.891.000 đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2010, Công ty đã quyết toán với Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Tháp liên quan đến chi phí đền bù là 49.571.201.000 đồng. Thời gian kinh doanh là 50 năm kể từ ngày có quyết định đầu tư. Công ty đã khai thác kinh doanh cho thuê lại một phần khu công nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(7.2) Là các khoản chi phí xây dựng hàng rào tại Khu công nghiệp Sông Hậu.

(7.3) Công trình đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gạo và kho phân bón vật tư nông nghiệp tại Khu kinh tế Dinh Bà, tổng mức đầu tư là 10,9 tỷ đồng. Công ty đang tiến hành các thủ tục thuê thêm diện tích đất và chưa tiến hành khởi công xây dựng nhà máy.

(7.4) Công trình đầu tư xây dựng kho lạnh tại Khu công nghiệp Sa Đéc, tổng mức đầu tư là 39.105.197.000 đồng và dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2011.

8. Bất động sản đầu tư	Chi phí đào ao	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	(*) 1.408.131.849	1.408.131.849
Mua mới	-	-
Giảm	-	-
Số dư cuối năm	1.408.131.849	1.408.131.849
Khấu hao lũy kế		
Số dư đầu năm	969.925.737	969.925.737
Tăng	316.082.991	316.082.991
Giảm	-	-
Số dư cuối năm	1.286.008.728	1.286.008.728
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	438.206.112	438.206.112
Số dư cuối năm	122.123.121	122.123.121

(*) Chi phí đào ao tại cồn Đồng Quới, cồn Đồng Giang - xã Tân Khánh Đông - thị xã Sa Đéc - tỉnh Đồng

9. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	31/12/2010	01/01/2010
Đầu tư ban đầu	(*) 4.000.000.000	-
Khoản tăng (giảm) tính theo phần sở hữu của Công ty tại Công ty cổ phần Docitrans	(173.702.479)	-
Cộng	3.826.297.521	-

(*) Là khoản vốn góp thành lập Công ty Cổ phần Docitrans theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401280130 ngày 22/7/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 02/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, theo đó, Công ty góp 4 tỷ đồng tương đương 26,66% vốn điều lệ (tổng vốn điều lệ 15 tỷ đồng). Tính đến thời điểm 31/12/2010, Công ty đã góp 4 tỷ đồng.

10. Đầu tư dài hạn khác	31/12/2010	01/01/2010
Mua cổ phần Công ty CP Du lịch Đồng Tháp	(10.1) 1.729.410.000	1.020.000.000
Mua cổ phần Công ty CP Thuốc sát trùng VN	(10.2) 185.824.000	185.824.000
Mua cổ phần Ngân hàng Công Thương Việt Nam	(10.3) 2.305.700.000	2.025.700.000
Mua công trái giáo dục	-	54.510.000
Mua công trái, trái phiếu Chính phủ	-	128.815.000
Cộng	4.220.934.000	3.414.849.000

Báo cáo tài chính hợp nhất

Trang 20/28

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(10.1) Đầu tư dài hạn mua 170.941 cổ phần Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp với giá mua 10.000 đồng/cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần) và nhận cổ tức được chia năm trong năm 2009 là 2.000 cổ phần. Trong năm 2010, Công ty đã nhận được cổ tức được chia của năm 2009 bằng tiền là 30.600.000 đồng và bằng cổ phiếu là 7.140 cổ phần. Tính đến thời điểm 31/12/2010, tổng số cổ phần của Công ty đang sở hữu là 180.081 cổ phần tương đương 1.729.410.000 đồng.

(10.2) Đầu tư dài hạn mua 22.400 cổ phần Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam với giá mua là 8.296 đồng/cổ phần. Trong năm 2010, Công ty đã nhận được cổ tức được chia của năm 2009 bằng tiền là 33.600.000 đồng.

(10.3) Đầu tư dài hạn mua 128.000 cổ phần Ngân hàng Công Thương Việt Nam với giá mua 18.013 đồng/cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). Trong năm 2010, Công ty đã nhận được cổ tức được chia của năm 2009 bằng cổ phiếu là 6.830 cổ phần. Tính đến thời điểm 31/12/2010, tổng số cổ phần của Công ty đang sở hữu là 134.830 cổ phần tương đương 2.305.700.000 đồng.

11. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2010	01/01/2010
Lợi thế thương mại	-	535.751.024
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	225.412.791	477.879.780
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.724.765.634	2.431.680.926
Chi phí chờ phân bổ khác	102.562.594	41.535.189
Cộng	3.052.741.019	3.486.846.919

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2010	01/01/2010
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến lãi chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch nội bộ	300.308.733	275.736.902
Cộng	300.308.733	275.736.902

13. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2010	01/01/2010
Vay ngắn hạn ngân hàng	(*) 541.513.588.426	406.204.069.290
Nợ dài hạn đến hạn trả	(19*) 9.928.170.675	12.157.068.000
Cộng	551.441.759.101	418.361.137.290

(*) Chi tiết các khoản nợ vay ngắn hạn ngân hàng

	Dầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
NH Công Thương - Đồng Tháp	210.558.838.468	1.056.356.450.438	965.911.525.542	301.003.763.364
NH Ngoại Thương - Đồng Tháp	26.326.484.326	73.855.500.000	100.181.984.326	-
NH Đầu tư Phát Triển - Đồng Tháp	28.416.063.043	288.900.025.122	222.577.955.629	94.738.132.536
NH TNHH MTV ANZ	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
NH TMCP Liên Việt - CN An Giang	-	117.500.000.000	97.500.000.000	20.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu Khí Việt Nam - CN Cần Thơ	25.000.000.000	30.000.000.000	35.000.000.000	20.000.000.000
NH Quân Đội - CN Chợ Lớn	-	18.932.000.000	-	18.932.000.000
NH TMCP Á Châu CN Đồng Tháp	9.991.775.453	-	3.110.082.927	6.881.692.526
NH TMCP An Bình CN Cần Thơ	49.233.908.000	10.724.092.000	-	59.958.000.000
Các ngân hàng khác	56.677.000.000	159.749.000.000	216.426.000.000	-
Cộng	406.204.069.290	1.776.017.067.560	1.640.707.548.424	541.513.588.426

Báo cáo tài chính hợp nhất

Trang 21/28

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp theo hợp đồng vay ngắn hạn số 211/10/PKHDN/HĐTD ngày 21/6/2010 với hạn mức tín dụng 450 tỷ đồng (trong đó, hạn mức cho vay là 400 tỷ đồng; hạn mức bảo lãnh, chiết khấu, mở L/C là 300 tỷ đồng), thời hạn vay từ 4 đến 6 tháng, lãi suất từ 1% đến 1,29%/tháng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2010 là **301.003.763.364** đồng bao gồm 68 khế ước nhận nợ vay. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp với nguyên giá là 9.035.936.409 đồng (giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2010 là 6.150.671.150 đồng).

Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 20/10/HĐHM ngày 29/7/2010 với hạn mức tín dụng 200 tỷ đồng, thời hạn vay 4 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2010 là **94.738.132.536** đồng bao gồm 73.297.642.536 đồng, lãi suất từ 1% đến 1,06%/tháng; và 1,132,500.00 USD tương đương 21.440.490.000 đồng, lãi suất 0,42%/tháng.

Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ theo thư đề nghị cung cấp tiện ích chung ngày 30/11/2010 với tiện ích hỗn hợp 5,000,000.00 USD, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất 1,29%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là hàng tồn kho và các khoản phải thu của Công ty. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2010 là **20.000.000.000** đồng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh An Giang theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 037/2010/AG/HĐTD ngày 27/5/2010 với hạn mức tín dụng 50 tỷ đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất từ 1,08% đến 1,38%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là hàng hóa tồn kho luân chuyển là gạo nguyên liệu, gạo thành phẩm và thành phẩm cá tra với tổng giá trị tài sản thế chấp là 83,6 tỷ đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2010 là **20.000.000.000** đồng bao gồm 03 khế ước nhận nợ vay.

Khoản vay Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 06/2010/H ĐTDHM/TC DK-CNCT ngày 11/10/2010 với hạn mức tín dụng 110 tỷ đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất 1%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2010 là **20.000.000.000** đồng.

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Chợ Lớn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 447.10.701.623659.TD ngày 23/8/2010 với hạn mức tín dụng 100 tỷ đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất 0,48%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2010 là 1,000,000.00 USD tương đương **18.932.000.000** đồng.

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Tháp theo hợp đồng tín dụng số 56291039.02 ngày 22/9/2010; Hạn mức tín dụng 10.000.000.000 đồng; Thời hạn vay 6 tháng; Lãi suất theo từng giấy nhận nợ; Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và vô hình với giá trị ước tính là 75.640.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2010 là **6.881.692.526** đồng.

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Cần Thơ theo hợp đồng tín dụng số 076/10/HM/III.2 ngày 08/7/2010 và phụ lục hợp đồng số PL01/TD-076/10/HM/III.2 ngày 15/10/2010; Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất theo từng giấy nhận nợ; Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp số 076/10/TC/III.2 và phụ lục số PL 01/TC-076/10/TC/III.2 ngày 15/10/2010 với tổng giá trị tài sản thế chấp là 85.800.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2010 là **59.958.000.000** đồng.

14. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước	31/12/2010	01/01/2010
Phải trả người bán (14.1)	104.859.034.307	46.569.368.292
Người mua trả tiền trước (14.2)	19.171.815.485	9.825.000.000
Cộng	124.030.849.792	56.394.368.292

(14.1) Trong đó, các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ 140,000.00 USD tương đương 2.596.160.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(14.2) Trong đó, bao gồm khoản người mua trả tiền trước liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Thành phố Hồ Chí Minh là 9.825.000.000 đồng và các khoản người mua trả tiền trước có gốc ngoại tệ là 11,630.60 USD tương đương 220.190.520 đồng.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2010	01/01/2010
Thuế GTGT	1.001.753.117	2.956.376.934
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.188.985.237	15.729.868.721
Thuế xuất nhập khẩu	1.975.632.323	-
Thuế thu nhập cá nhân	253.531.286	245.336.197
Thuế tài nguyên, thuế nhà đất	382.873.270	287.845.830
Các khoản phí và lệ phí	5.626.860	5.626.860
Cộng	5.808.402.093	19.225.054.542

16. Phải trả công nhân viên	31/12/2010	01/01/2010
Tiền lương phải trả	2.447.619.993	2.738.426.754
Tiền lương tháng 13 còn phải trả	809.750.547	3.325.504.243
Cộng	3.257.370.540	6.063.930.997

17. Chi phí phải trả	31/12/2010	01/01/2010
Chi phí lãi vay phải trả	1.576.562.614	360.186.079
Chi phí lãi chiết khấu thanh toán phải trả	506.370.000	-
Cộng	2.082.932.614	360.186.079

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2010	01/01/2010
Tài sản thừa chờ xử lý	2.200.630.594	3.282.513.083
Kinh phí công đoàn	402.230.399	548.107.153
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	13.297.819	77.536.174
Các khoản phải trả khác (*)	20.299.293.292	9.824.018.995
Cộng	22.915.452.104	13.732.175.405

(*) Bao gồm:

	31/12/2010
- Phải trả Ông Nguyễn Bảo Toàn	738.000.000
- Phải trả Ngân sách Nhà nước (chủ yếu là tiền lãi chậm nộp tiền bán cổ phiếu khi cổ phần hoá Doanh nghiệp)	1.285.039.164
- Khoản phải trả do Công ty nhận ứng vốn từ Công ty Cổ phần Docitrans, lãi suất 1,33%/tháng.	5.000.000.000
- Cổ tức năm 2009 còn phải trả	6.771.700.000
- Các khoản nhận ký quỹ ngắn hạn	5.803.565.197
- Các khoản phải trả khác	700.988.931
Cộng	20.299.293.292

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18. Phải trả dài hạn khác	31/12/2010	01/01/2010
Phải trả ngân sách Nhà nước (*)	27.314.690.000	17.580.637.000
Các khoản nhận đặt cọc tiền cho thuê đất tại KCN Sông Hậu	3.413.610.391	3.413.610.391
Cộng	30.728.300.391	20.994.247.391

(*) Nguồn vốn đầu tư vào khu Công nghiệp Sông Hậu do ngân sách Nhà nước thực hiện.

19. Vay dài hạn	31/12/2010	01/01/2010
Vay dài hạn	37.956.521.153	49.948.499.508
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	(9.928.170.675)	(12.157.068.000)
Cộng	28.028.350.478	37.791.431.508

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Quỹ hỗ trợ PT - Đồng Tháp	906.028.000	-	906.028.000	-
Quỹ Đầu tư PT - Đồng Tháp	6.747.330.000	-	4.500.281.000	2.247.049.000
NH Ngoại Thương - Vũng Tàu	8.836.096.003	-	1.704.537.423	7.131.558.580
NH TMCP Á Châu - Đồng Tháp	33.459.045.505	-	4.881.131.932	28.577.913.573
Cộng	49.948.499.508	-	11.991.978.355	37.956.521.153
Nợ dài hạn đến hạn trả	(12.157.068.000)			(9.928.170.675)
Cộng	37.791.431.508			28.028.350.478

Khoản vay Quỹ đầu tư phát triển - Chi nhánh Đồng Tháp nhằm mục đích đầu tư mở rộng phân xưởng chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu Sa Đéc theo hợp đồng tín dụng số 11/2007-HĐTD ngày 25/9/2007 với mức vay 13.500.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, đáo hạn vào ngày 25/6/2011. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2010 là **2.247.049.000** đồng cũng là khoản nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2011.

Số dư nợ vay Ngân hàng Ngoại Thương - Chi nhánh Vũng Tàu đến ngày 31/12/2010 là **7.131.558.580** đồng, bao gồm 2 khoản nợ có gốc ngoại tệ là 686,147 USD với tỷ giá quy đổi là 7.900 đồng/USD tương đương 5.420.560.905 đồng và khoản nợ có gốc ngoại tệ là 90,375.96 USD tương đương 1.710.997.675 đồng. Nợ dài hạn đến hạn trả là 2.710.997.675 đồng bao gồm 1 tỷ đồng và 90,375.96 USD tương đương 1.710.997.675 đồng.

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - CN Đồng Tháp theo hợp đồng tín dụng số 56291039.02 ngày 30/6/2009; Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 đồng; Thời hạn vay: 90 tháng; thời gian ân hạn 06 tháng; Lãi suất dao động từ 10,5%/năm đến 15,5% năm; Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và vô hình với giá trị ước tính là 75.640.000.000 đồng. Nợ gốc phải trả định kỳ hàng quý với số tiền trả mỗi quý là 1.242.531.000 đồng/ quý. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2010 là **28.577.913.573** đồng

20. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2010	01/01/2010
Doanh thu nhận trước (*)	21.550.259.694	22.051.428.525
Cộng	21.550.259.694	22.051.428.525

(*) Doanh thu nhận trước đến ngày 31/12/2010 là 21.550.259.694 đồng là các khoản tiền cho thuê đất theo các hợp đồng cho thuê lại đất tại khu Công nghiệp Sông Hậu ký giữa Công ty và các đơn vị thuê đất trong khu Công nghiệp Sông Hậu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

21. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Nguồn vốn kinh doanh	132.000.000.000	-	-	132.000.000.000
Cổ phiếu quỹ (*)	(3.910.030.000)	-	(3.910.030.000)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(2.838.225.664)	4.038.613.508	4.379.345.143	(3.178.957.299)
Quỹ đầu tư phát triển	5.745.000.000	4.369.437.700	-	10.114.437.700
Quỹ dự phòng tài chính	3.591.000.000	2.730.898.500	-	6.321.898.500
Lợi nhuận chưa phân phối	56.170.346.136	57.800.178.172	40.961.367.800	73.009.156.508
Cộng	190.758.090.472	68.939.127.880	41.430.682.943	218.266.535.409

(*) Trong năm 2010, Công ty đã bán toàn bộ cổ phiếu quỹ với giá bán là 10.000 đồng/ cổ phiếu.

	Vốn điều lệ		Vốn góp thực tế	
	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần
Cổ đông				
UBND tỉnh Đồng Tháp	26.759.600.000	2.675.960	26.759.600.000	2.675.960
Ông Phạm Văn Phát	7.873.420.000	787.342	-	-
Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn	7.873.420.000	787.342	-	-
Công ty CP ĐT & PT Nguyễn Kim	-	-	63.813.870.000	6.381.387
Các cổ đông khác	89.493.560.000	8.949.356	41.426.530.000	4.142.653
Cộng	132.000.000.000	13.200.000	132.000.000.000	13.200.000
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Cộng	132.000.000.000	13.200.000	132.000.000.000	13.200.000

Trong năm 2010, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim đã nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Văn Phát là 787.342 cổ phần và Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn là 787.342 cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận lũy kế đến 01/01/2010	56.170.346.136
Lợi nhuận sau thuế phát sinh trong năm 2010	57.800.178.172
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.838.539.100)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	(2.730.898.500)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	(4.369.437.700)
Trả cổ tức năm 2009	(32.022.492.500)
Lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2010	73.009.156.508

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

22. Doanh thu	Năm 2010	Năm 2009
Doanh thu bán hàng	1.841.487.299.996	1.573.151.225.731
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.390.828.453	757.737.524
Chiết khấu thương mại	(1.150.507.123)	(670.244.113)
Hàng bán bị trả lại	(911.891.431)	(44.354.760)
Giảm giá hàng bán	(1.677.506.400)	(2.348.386.273)
Cộng	1.841.138.223.495	1.570.845.978.109

Báo cáo tài chính hợp nhất

Trang 25/28

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm 2010	Năm 2009
23. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	1.639.920.417.862	1.521.401.564.990
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.852.711.531	608.756.242
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(1.201.023.471)	(73.695.109.808)
Cộng	1.640.572.105.922	1.448.315.211.424

	Năm 2010	Năm 2009
24. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.219.155.616	2.550.181.676
Lãi cho vay	11.601.064.925	2.000.962.878
Lãi đầu tư trái phiếu, mua công trái	24.804.668	14.420.000
Lãi từ hoạt động liên doanh, cổ tức được chia	64.200.000	3.600.006.000
Lãi chuyển nhượng cổ phần	-	17.211.709.100
Lãi do được hưởng chiết khấu	1.626.333.771	443.839.334
Lãi do chênh lệch tỷ giá	42.038.549.378	66.501.878.574
Lãi do hàng bán trả chậm	986.514.925	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	99.471.271	49.872.919
Cộng	60.660.094.554	92.372.870.481

	Năm 2010	Năm 2009
25. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	55.775.703.523	29.193.604.885
Chi phí lãi quá hạn	3.306.317.666	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	995.326.464	2.347.324.529
Chi phí lãi chậm nộp tiền bán cổ phần	-	4.485.039.164
Chi phí chiết khấu	1.512.432.231	399.704.747
Chi phí tài chính khác	108.838.230	13.141.092
Cộng	61.698.618.114	36.438.814.417

	Năm 2010	Năm 2009
26. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	420.018.028	179.474.789
Chi phí vận chuyển	25.338.013.433	29.179.377.963
Chi phí bao bì	10.776.946.557	8.664.532.663
Chi phí thuê kho	4.191.236.018	5.152.413.262
Chi phí hoa hồng	126.471.117	1.674.162.130
Chi phí làm hàng	2.595.142.411	2.969.181.178
Chi phí bốc xếp	2.371.627.836	2.692.475.473
Chi phí kiểm dịch, khử trùng	1.001.193.943	1.196.457.211
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	2.925.835.987	2.180.603.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.876.814.943	4.659.778.152
Chi phí khác bằng tiền	5.923.739.352	5.170.581.178
Cộng	61.547.039.625	63.719.037.299

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm 2010	Năm 2009
27. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí tiền lương	34.501.946.791	25.989.552.732
Thù lao hội đồng quản trị	433.200.000	-
Chi phí công cụ dụng cụ	2.492.641.848	4.203.811.304
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.491.112.048	343.071.023
Chi phí dự phòng trợ cấp mất việc làm	461.641.573	-
Chi phí khấu hao	3.944.925.621	4.548.011.259
Chi phí tiếp khách, hội nghị	2.001.548.452	2.265.287.633
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.838.536.423	4.539.149.185
Thuế phí và lệ phí	341.908.536	-
Chi phí chuyển tiền	1.688.463.889	693.002.975
Công tác phí	1.699.744.570	1.093.757.559
Phân bổ chi phí lợi thế thương mại	374.478.148	374.478.148
Chi phí khác bằng tiền	8.485.146.015	3.930.875.325
Cộng	62.755.293.914	47.980.997.143
28. Thu nhập khác		
Thu tiền bồi thường	6.159.798.024	615.067.500
Thu từ thanh lý TSCĐ, công cụ dụng cụ, phế liệu	687.524.676	38.425.083
Chiết khấu thương mại được hưởng	-	110.682.349
Thu hồi công nợ cũ	-	33.664.137
Xử lý công nợ phải trả	-	188.116.456
Thu bán bao thức ăn thủy sản	52.416.932	116.072.000
Thưởng đạt định mức nuôi gia công	-	56.430.200
Bất lợi thương mại phát sinh từ việc mua Công ty con	-	-
Thu từ hoạt động khác	491.340.344	124.162.497
Cộng	7.391.079.976	1.282.620.222
29. Chi phí khác		
Giá trị còn lại tài sản	157.223.632	6.222.217
Chín phí bồi thường	-	238.241.900
Chi phí hao hụt nguyên liệu, gạo bị chìm	4.101.891.733	-
Xử lý tài sản thiếu	397.511.474	-
Chi phí khác	104.348.443	75.285.691
Cộng	4.760.975.282	319.749.808
30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại liên quan đến lãi chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch nội bộ	(24.571.831)	(275.736.902)
Cộng	(24.571.831)	(275.736.902)

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm 2010	Năm 2009
31. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.551.835.895	16.264.638.008

(*) Bao gồm:

	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	Thu nhập từ hoạt động chuyển	Cộng
Lợi nhuận kế toán trước thuế	77.907.035.494	(225.372.805)	77.681.662.689
Cộng các khoản chi phí không hợp lệ	2.306.513.938	-	2.306.513.938
Cộng lỗ năm trước mang sang	(274.389.157)	-	(274.389.157)
Cộng lỗ kinh doanh của các Công ty con	1.685.915.351	-	1.685.915.351
Cộng phần bổ lợi thế thương mại khi hợp nhất	374.478.148	-	374.478.148
Cộng lãi chưa thực hiện năm 2010	98.287.327	-	98.287.327
Cộng lỗ từ hoạt động liên doanh, liên kết	173.702.479	-	173.702.479
Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia	(64.200.000)	-	(64.200.000)
Thu nhập tính thuế	82.207.343.580	(225.372.805)	81.981.970.775
Thuế TNDN phải nộp ước tính	20.551.835.895	-	20.551.835.895
Thuế TNDN được giảm	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.551.835.895	-	20.551.835.895

	Năm 2010	Năm 2009
32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	57.800.178.172	54.617.970.710
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ động sở hữu cổ phiếu phổ thông		-
- Các khoản điều chỉnh tăng		-
- Các khoản điều chỉnh giảm		-
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ động sở hữu cổ phiếu phổ thông	57.800.178.172	54.617.970.710
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.906.748	9.762.106
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.478	5.595

VII. Thông tin khác

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Nghe

Hà Xuân Long



Lê Trường Sơn

Người lập biểu
Ngày 22 tháng 02 năm 2011

Hà Xuân Long
Kế toán trưởng

Lê Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Trang 28/28

DOCIMEXCO



TRỤ SỞ CHÍNH (HEAD OFFICE):

- Địa chỉ: Số 89 - Nguyễn Huệ, P. 1, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp
- Address: 89 - Nguyen Hue Str., Ward 1, Cao Lanh City, Dong Thap Province
- Email: docimexco@docimexco.com

- ĐT: 067. 3855356 - Fax: 067. 3851250
- Tel: +84.67.3855356 - Fax: +84.67.3851250
- Website: <http://www.docimexco.com>

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN (REPRESENTATIVE OFFICE):

- Địa chỉ: Số 364 - Phạm Hùng, P. 5, Q. 8, TP. Hồ Chí Minh
- Address: 364 - Pham Hung Str., Ward.5, Dist.8, Ho Chi Minh City

- ĐT: 08.38506412 - Fax: 08.38506413
- Tel: +84.8.38506412 - Fax: +84.8.38506413